



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

18

Tháng 9 - 2011

**Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải
và đoàn công tác đến thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng**

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2011



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc với Bộ Xây dựng



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng báo cáo Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và đoàn công tác về kế hoạch 2011-2012 và kế hoạch 5 năm 2011-2015 của ngành Xây dựng

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

18

SỐ 18 - 9/2011



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chỉ thị số 1617/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện và chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới 5
- Quyết định số 1513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 7
- Thông tư số 124/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về cấp Giấy phép quy hoạch trên địa bàn thành phố Hà Nội 13
- Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội 15

11

CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:

+ *Tiêu chuẩn Việt Nam: Xi măng đóng rắn nhanh* 18

- Phương pháp sáng tạo sử dụng tro xỉ của các nhà máy thiêu đốt rác 19

- Amiăng crizotin: các vấn đề về sản xuất và sử dụng 22

- Chiến lược hình thành khung sinh thái trong cơ cấu khu vực ven sông của thành phố Khabarovsk 25

- Hàn Quốc - Đảm bảo hệ thống pháp luật và chế độ quản lý xây dựng vùng nông thôn 27

Thông tin

- Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương làm việc tại Bộ Xây dựng 30

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp ông David Shear - Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam 32

- Hội nghị tổng kết Dự án Cải thiện môi trường đô thị miền Trung 33

- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam kỷ niệm 20 năm ngày thành lập 34

- Lễ kỷ niệm 23 năm ngày thành lập Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex) 37

- Mô hình cải tạo nhà ở dột nát nông thôn các khu vực nghèo của huyện Tùng Giang, Quý Châu, Trung Quốc 39



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chỉ thị số 1617/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện và chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới

Ngày 19/9/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 1617/CT-TTg về việc tăng cường thực hiện và chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chỉ thị nêu rõ, trong thời gian qua, thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP của Chính phủ về định hướng, giải pháp thu hút và quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động phức tạp, song hoạt động ĐTNN vẫn đạt được những kết quả khả quan trên các mặt: vốn giải ngân, xuất khẩu, nộp ngân sách, tạo việc làm, góp phần cải thiện cán cân thanh toán và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2010.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, những bất cập trong thu hút và quản lý ĐTNN thời gian qua chậm được khắc phục. Tình trạng cấp Giấy chứng nhận đầu tư không phù hợp quy hoạch còn diễn ra ở một số địa phương, đặc biệt trong các dự án sân golf, trồng rừng, sản xuất thép, khai thác khoáng sản. Nhiều dự án chưa được thẩm tra, xem xét kỹ các tiêu chí về kỹ thuật, công nghệ, môi trường, lao động... dẫn đến chất lượng các dự án chưa cao, thiếu sự liên kết giữa ĐTNN và doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của nhà đầu tư về tiến độ góp vốn, huy động vốn, cũng như hoạt động xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, thực hiện nghĩa vụ đối

với người lao động và nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước chưa tốt, thiếu sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương. Mặt khác, sự yếu kém về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là tình trạng thiếu điện, bất cập của hệ thống cảng và các công trình hạ tầng liên quan, sự thiếu hụt trầm trọng nguồn lao động đã qua đào tạo, kỹ sư, cán bộ quản lý, tiếp tục là những rào cản đối với hoạt động ĐTNN.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP, tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt và tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, bao gồm:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả ĐTNN phù hợp với định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 2011-2020 theo hướng khuyến khích kinh tế có vốn ĐTNN phát triển theo quy hoạch; ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai, tạo điều kiện và tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong nước; tập trung thu hút vào các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức cao, công nghệ thông tin; dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, phát triển kết cấu hạ tầng; thu hút có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, luyện kim, hóa chất; ưu tiên phát triển các dự án có

sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, các sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Hạn chế các dự án đầu tư vào khu vực phi sản xuất, làm gia tăng tình trạng nhập siêu, tiêu tốn năng lượng, khai thác không gắn với chế biến. Không cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐTNN để đảm bảo chất lượng của hoạt động này trong tình hình mới;

- Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về ĐTNN nhằm tăng cường, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong toàn bộ quá trình cấp Giấy chứng nhận đầu tư, quản lý dự án và kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư.

Chỉ thị nêu ra 8 giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ, bao gồm: xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp với định hướng thu hút ĐTNN giai đoạn 2011-2020; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt đến quản lý quy hoạch; hoàn thiện, nâng cao hiệu quả chế độ phân cấp quản lý ĐTNN, bao gồm việc phân cấp cấp Giấy chứng nhận đầu tư, quản lý hoạt động ĐTNN và phân cấp quản lý một số lĩnh vực (môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản, công nghệ, thương mại, giáo dục đào tạo, y tế) theo hướng phân cấp nhưng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả, gắn với việc thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu quả công tác quản lý dòng vốn ĐTNN; nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm hạn chế và ngăn chặn tình trạng chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐTNN, đặc biệt là việc thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành đối với các dự án

ĐTNN có quy mô lớn, sử dụng nhiều đất, các dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh bất động sản, sử dụng nhiều năng lượng, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường...; rà soát và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các dự án chậm triển khai hoặc không triển khai; kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐTNN trên địa bàn theo quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư; ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư và theo dõi, kiểm tra, giám sát (suất đầu tư tối thiểu đối với các dự án sử dụng nhiều đất; tiêu chuẩn về khoa học, công nghệ, môi trường; tiêu chuẩn, điều kiện khai thác tài nguyên khoáng sản).

Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ giao việc tổ chức thực hiện cụ thể tổng các Bộ, ngành, UBND các địa phương, trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và UBND địa phương xây dựng các Đề án: Đề án định hướng nâng cao hiệu quả thu hút, sử dụng và quản lý ĐTNN giai đoạn 2011-2020, trong đó đề xuất cụ thể định hướng chính sách ưu đãi đầu tư theo lĩnh vực và địa bàn đầu tư; Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch, hoàn thành trong quý II/2012; Đề án ngăn ngừa và hạn chế tình trạng chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn ĐTNN, hoàn thành trong quý IV/2011. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND các địa phương xây dựng Đề án nâng cao chất lượng đầu tư, hiệu quả quản lý nhà nước và định hướng ĐTNN trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản giai đoạn 2011-2020, hoàn thành trong tháng 5/2012.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030

Ngày 05/9/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1513/QĐ-TTg phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

Theo Quy hoạch này, Khu kinh tế Định An có tổng diện tích tự nhiên là 39.020 ha, gồm đất tự nhiên của huyện Trà Cú và huyện Duyên Hải là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Trà Vinh và vùng đồng bằng sông Cửu Long, là cửa ngõ giao thương hàng hải quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Bộ, có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng.

Trong giai đoạn đến năm 2020, Khu kinh tế Định An có diện tích phát triển là 15.403 ha, dân số khoảng 206.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 105.000 người. Giai đoạn đến năm 2030, diện tích phát triển là 39.020 ha, dân số khoảng 250.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 150.000 người.

Về định hướng phát triển không gian, Khu kinh tế Định An phát triển chủ yếu về 2 hướng Bắc và Nam của kênh đào Trà Vinh: hướng phía Bắc kênh đào Trà Vinh bao gồm thị trấn Duyên Hải, các xã Long Toàn, Ngũ Lạc, Đôn Châu, Đại An, Hàm Tân và thị trấn Định An; hướng phía Nam kênh đào Trà Vinh bao gồm các xã Long Vĩnh, Đông Hải, Dân Thành, Trường Long Hòa. Khu kinh tế được phát triển với sự kết nối mạng đa cực, đa trung tâm trên nguyên tắc bảo tồn và tôn tạo môi trường sinh thái tự nhiên. Hướng phía Bắc kênh đào Trà Vinh ở cực phía Đông và Đông Bắc bố trí các khu chức năng gồm khu phi thuế quan, khu hành chính, một số khu chức năng chuyên dụng khác và thị xã Duyên Hải; cực phía Tây bố

trí khu đô thị Định An và cảng Trà Cú, các khu du lịch, dịch vụ, dân cư và một số khu chuyên dụng khác; cực phía Bắc bố trí các khu công nghiệp và các dịch vụ kèm theo, gồm các khu Định An, Đôn Xuân và Ngũ Lạc; khu vực còn lại phía Đông Nam thị xã Duyên Hải dành cho phát triển khu du lịch và dịch vụ Ba Động.

Hướng phía Nam kênh đào Trà Vinh ở cực phía Đông bố trí các chức năng bao gồm thị trấn Long Thành, khu tái định cư và một số khu chức năng chuyên dụng khác; cực phía Tây, bố trí đô thị Long Vĩnh và một số khu chuyên dụng khác; cực giữa Đông và Tây bố trí vùng dự trữ phát triển công nghiệp lớn và các dịch vụ kèm theo; khu vực phía Nam phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, bảo vệ môi trường và các điểm dân cư nông thôn mới.

Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, các khu chức năng chính trong Khu kinh tế là 26.424 ha, bao gồm khu phi thuế quan 501 ha; khu công nghiệp và kho tàng 3.156ha; các khu du lịch, dịch vụ, giải trí 4.305 ha; thị xã Duyên Hải 2.662; đô thị Định An - Cảng Trà Cú 2.572 ha; thị trấn Long Thành 1.080 ha; đô thị Long Vĩnh (dự trữ phát triển) 1.109 ha; các điểm dân cư khác (tái định cư) 759ha; các khu phát triển nông - lâm ngư nghiệp và dân cư nông thôn 10.280ha. Các khu chuyên dụng khác 12.596 ha bao gồm: khu hành chính và hạ tầng xã hội tập trung 400 ha; các khu thương mại - dịch vụ chuyên dụng 283 ha; khu dự trữ xây dựng sân bay Long Toàn 719 ha; rừng phòng hộ 2.097 ha; thêm bờ biển 2.275 ha; khu quân sự 164 ha; khu dự trữ phát triển công nghiệp 2.166 ha; sông, kênh chính (mặt nước và thêm cây xanh ngoài khu) 1.120ha; giao thông đối ngoại và hạ tầng kỹ thuật 3.374ha; giao thông đối ngoại

1.045 ha; kênh đào Trà Vinh, bến bãi 1.957 ha; khu nghĩa trang 372 ha.

Về định hướng giao thông, Quốc lộ 53 là trục đối ngoại chính của Khu kinh tế. Đoạn chạy ngoài khu đô thị được thiết kế đạt tiêu chuẩn đường đồng bằng cấp I, lộ giới rộng 32 m. Đoạn đi qua đô thị có mặt cắt lộ giới rộng 67m, trong đó có luồng giao thông chính cho đối ngoại, bố trí hệ thống đường gom và dải cây xanh cách ly cho đô thị. Tuyến đường bộ ven biển đoạn đi qua Khu kinh tế cho chiều dài 54 km, điểm đầu tuyến là cầu dân sinh qua sông Láng Chim tại xã Trường Long Hòa - huyện Duyên Hải, điểm cuối tuyến tại điểm giao với quốc lộ 53 tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải. Phương án tuyến được xác định theo quy hoạch chi tiết. Mặt cắt được thiết kế theo các thiết kế của các đoạn tuyến thành phần với mặt cắt lộ giới rộng từ 28-40m. Tỉnh lộ 914 là tuyến đường vành đai phía Bắc của Khu kinh tế nối với quốc lộ 53, 54 và 60 đi các tỉnh thành trong khu vực. Mặt cắt được mở rộng lên 32 m, tiêu chuẩn đường cấp I đồng bằng, lộ giới bảo vệ và dự trữ là 60m. Tuyến đường dọc hai bên kênh đào Trà Vinh là đường trục kết nối hai phía Đông Tây, liên kết các đô thị và các trung tâm chức năng trong Khu kinh tế. Tuyến đường này được thiết kế với mặt cắt từ 24-32m, đạt tiêu chuẩn đường cấp I, cấp II đồng bằng. Lộ giới bảo vệ và dự trữ từ 45-60m. Tuyến huyện lộ 81 được nâng cấp thành tuyến giao thông liên khu đoạn từ trung tâm Khu kinh tế và cảng Trà Cú đến vùng trung tâm điện lực Duyên Hải, khu du lịch biển Ba Động. Mặt cắt thiết kế theo cấu trúc đường đô thị là 36m, tuyến đường này được tính từ cảng Long Toàn đến điểm giao với tỉnh lộ 913.

Đường trục chính đô thị trong Khu kinh tế kết nối hệ thống đường khu vực trong đô thị với đường giao thông đối ngoại Khu kinh tế bao gồm các tuyến xuyên tâm, liên kết với các cực phát triển của đô thị. Mặt cắt thiết kế từ 36-42m, một số tuyến đi qua trung tâm đô thị được kết hợp với các dải cây xanh cảnh quan.

Đường vành đai của các đô thị được hình thành nhằm gom các luồng vận tải của đô thị, hòa nhập với đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường đối ngoại. Các tuyến được thiết kế có mặt cắt từ 33-36m. Đường khu vực đô thị được thiết kế mặt cắt từ 20,5 đến 25m kết nối các khu chức năng với các đường trục chính trong đô thị.

Nâng cấp, cải tạo các tuyến huyện lộ, liên xã hiện có kết hợp mở các tuyến mới tạo thành mạng các tuyến chính cho vùng, liên hệ thuận lợi với các tuyến khác trong Khu kinh tế, đạt tiêu chuẩn đường cấp III và cấp IV đồng bằng.

Đường giao thông thủy kết hợp với hệ thống giao thông đường bộ, khai thác các tuyến giao thông thủy hiện có bao gồm kênh đào Trà Vinh, sông Long Toàn, sông La Ghi, rạch Cỏ, sông Cồn Lợi, sông Động Cao, sông Cồn Cù, sông Ba Động, kênh 3-2, kênh Ông Năm...

Cải tạo, nâng cấp khu vực sân bay Long Toàn cũ, dành quy đất dự trữ cho việc xây dựng cảng hàng không tại xã Long Toàn khi cần thiết trong tương lai sau năm 2030, diện tích khoảng 719 ha, trước mặt được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục triển khai các dự án xây dựng cầu Láng Chim trên tỉnh lộ 913, qua sông Long Toàn; cầu Ba Động trên tỉnh lộ 913 qua sông Ba Động; xây dựng 3 cầu qua kênh đào Trà Vinh; 2 cầu trên sông Long Toàn nối đô thị Duyên Hải với vùng xã Trường Long Hòa; cải tạo, xây dựng mới và 9 cầu trên quốc lộ, tỉnh lộ; 8 cầu trên mạng đường khu vực, nội khu qua các sông kênh khác; xây dựng cảng biển Trà Vinh là cảng tổng hợp đầu mối khu vực trong hệ thống cảng biển Việt Nam, bao gồm các khu chức năng tổng hợp container cho tàu trọng tải 3-5 vạn DWT; xây dựng Cảng Trà Cú theo dự án được duyệt, quy mô khoảng 15-20 ha, công suất phục vụ 80.000 tấn/năm. Đến năm 2030 có thể mở rộng thêm quy mô trong quỹ đất 150ha đã quy hoạch; nghiên cứu mở rộng cảng Long Toàn với diện tích 215 ha với công suất dự kiến là 100.000 tấn/năm, đảm bảo cho tàu biển

từ kênh đào Trà Vinh cấp bến; mở rộng, nâng cấp cảng cá Định An có diện tích khoảng 5 ha, cảng Láng Chim tại xã Long Toàn có diện tích khoảng 10 ha theo hướng xây dựng đồng bộ nhằm nâng cao công suất trên 20.000 tấn/năm.

Xây dựng hệ thống giao thông công cộng đồng bộ và hoàn chỉnh gồm hệ thống đường bộ với 121 km đường xe bus đô thị, 80 km xe bus đường dài và 257 km tuyến xe khách; hệ thống đường thủy có 181 km chiều dài các tuyến đường thủy nội địa.

Xây dựng 01 kho ngoại quan, 4 tổng kho và 4 kho nhiên liệu tại 3 cảng chính là Cảng Trà Cú, Cảng Long Toàn, Cảng cá Láng Chim; xây dựng 8 kho trung chuyển tại Cảng cá Định An, các trung tâm đô thị, khu du lịch biển Ba Động và khu tái định cư Dân Thành. Toàn bộ các cảng, trung tâm đô thị, khu du lịch biển Ba Động và khu tái định cư Dân Thành đều được bố trí 1 trạm phân phối nhiên liệu và 1 bãi đỗ xe tổng hợp.

Theo Quy hoạch này, tổng công suất cấp điện cho Khu kinh tế Định An đến năm 2020 là 130MVA, đến năm 2030 là 168MVA; tổng nhu cầu sử dụng nước sạch đến năm 2020 là 54.000m³/ngày đêm, đến 2030 là 85.000m³/

ngày đêm. Xây dựng mới 03 trạm cấp nước tại phía Đông đô thị Định An, tại xã Đôn Châu, xã Đông Hải, thị trấn Duyên Hải, với tổng công suất đến năm 2020 khoảng 41.500m³/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 67.500m³/ngày đêm. Cải tạo nâng cấp 02 trạm cấp nước hiện có tại Duyên Hải và khu du lịch Ba Động, tổng công suất đến năm 2020 khoảng 12.500m³/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 17.500m³/ngày đêm. Xây dựng 13 trạm xử lý nước thải có công suất 10.000-13.000m³/ngày đêm, phục vụ cho toàn bộ Khu kinh tế. Mở rộng diện tích từ 20-25 ha cho khu xử lý rác thải tập trung phía Bắc tỉnh lộ 914, thuộc địa phận xã Ngũ Lạc. Cải tạo các nghĩa trang theo mô hình công viên nghĩa trang. Sau năm 2020 xây dựng nghĩa trang tập trung cho toàn Khu kinh tế tại khu vực phía Tây Nam xã Long Vĩnh có quy mô khoảng 370 ha.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 124/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ

Ngày 31/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 124/2011/TT-BTC hướng dẫn về lệ phí trước bạ. Theo đó, đối tượng chịu lệ phí trước bạ bao gồm nhà, đất (nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho các mục đích khác; đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thuộc quyền quản lý sử dụng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân); súng săn, súng thể thao; tàu thủy, kể cả du thuyền; ca nô, tàu kéo, tàu đẩy; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay; xe mô tô hai bánh, ba bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (gọi chung là xe máy);

ô tô (kể cả ô tô điện), rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; Vỏ, tổng thành khung (gọi chung là khung), tổng thành máy phải chịu lệ phí trước bạ là các khung, tổng thành máy thay thế có số khung, số máy khác với số khung, số máy đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng.

Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả tổ chức, cá nhân người nước ngoài) có các tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ, phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng

với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp không phải nộp lệ phí trước bạ và được miễn lệ phí trước bạ thì chủ tài sản phải kê khai lệ phí trước bạ với cơ quan Thuế trước khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các trường hợp thuộc diện không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ bao gồm:

- Nhà, đất là trụ sở của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và nhà ở của người đứng đầu cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc của nước ngoài tại Việt Nam;

- Tài sản (trừ nhà, đất) của tổ chức, cá nhân nước ngoài: cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc; Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự nước ngoài, thành viên cơ quan các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ bao gồm vợ hoặc chồng và con chưa đủ 18 tuổi cùng sống chung trong gia đình không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam; Tổ chức, cá nhân nước ngoài khác như cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên Chính phủ ngoài hệ thống Liên hiệp quốc, cơ quan đại diện của tổ chức phi Chính phủ, các đoàn của tổ chức quốc tế, thành viên của cơ quan và các tổ chức, cá nhân khác nhưng theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định được miễn nộp hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ (hoặc được miễn nộp hoặc không phải nộp toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí) thì thực hiện theo quy định đó;

- Đất được nhà nước giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng vào các mục đích: sử dụng

công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai; sử dụng thăm dò, khai thác khoáng sản, nghiên cứu khoa học theo giấy phép hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê, không phân biệt đất trong hay ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất; đầu tư xây dựng nhà để kinh doanh;

- Đất được Nhà nước giao hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối.

- Đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình, cá nhân theo chủ trương chung về “dồn điền đổi thửa” theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp này người sử dụng đất phải xuất trình xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất được chuyển đổi quyền sử dụng hoặc nơi cư trú của người sử dụng đất.

- Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đất thuê của nhà nước hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp.

- Nhà, đất sử dụng vào mục đích cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động, bao gồm: Đất có công trình là chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh viện, tu viện, trường học, trụ sở làm việc và các cơ sở khác của tổ chức tôn giáo; Đất có công trình là đình, đền, miếu, am;

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa.

- Nhà, đất thừa kế, hoặc là quà tặng giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau nay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.

- Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân được tạo

lập thông qua hình thức phát triển nhà ở riêng lẻ theo quy định của pháp luật.

- Tài sản cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng, bán tài sản cho thuê thì bên thuê không phải nộp lệ phí trước bạ.

- Nhà, đất, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật như: Các loại nhà, đất chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật; Tàu thủy, thuyền, ô tô, xe gắn máy thuộc danh mục tài sản đặc biệt hoặc tài sản chuyên dùng vào mục đích quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an cấp giấy đăng ký phương tiện.

- Nhà, đất thuộc tài sản nhà nước dùng làm trụ sở cơ quan của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Nhà, đất được bồi thường (kể cả trường hợp mua nhà bằng tiền bồi thường, hỗ trợ) khi nhà nước thu hồi nhà, đất mà tổ chức, cá nhân bị thu hồi nhà, đất đã nộp lệ phí trước bạ (hoặc không phải nộp, hoặc được miễn lệ phí trước bạ hoặc đã khấu trừ lệ phí trước bạ phải nộp khi tính tiền bồi thường nhà đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật).

- Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng không phải nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây: Tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng tài sản, nay đổi giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng mới mà không thay đổi chủ tài sản

(bao gồm cả trường hợp được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nhưng còn ghi nợ lệ phí trước bạ hoặc nghĩa vụ tài chính). Trường hợp diện tích đất tăng so với Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng đã được cấp do trước đây đo chưa chính xác, nhưng ranh giới thửa đất không thay đổi thì chủ tài sản không phải nộp lệ phí trước bạ đối với diện tích tăng thêm. Trường hợp có thay đổi ranh giới thửa đất so với giấy chứng nhận sở hữu, sử dụng cũ dẫn đến phát sinh tăng diện tích đất thì phải nộp lệ phí trước bạ đối với phần chênh lệch tăng; Tài sản của doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành sở hữu của công ty cổ phần theo hình thức cổ phần hoá hoặc các hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước khác theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp mới không phải nộp lệ phí trước bạ; Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng của hộ gia đình, do một người trong hộ gia đình đứng tên, khi phân chia tài sản đó cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại; Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng phải đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng do giấy chứng nhận bị mất, rách nát, hư hỏng; Nhà, đất đã có Quyết định thu hồi theo quy hoạch của nhà nước nay do thay đổi quy hoạch, chủ tài sản đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng.

- Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ (trừ trường hợp không phải nộp hoặc được miễn nộp theo chính sách hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) sau đó chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng thì không phải nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây: Tổ chức, cá nhân, xã viên hợp tác xã góp vốn bằng tài sản vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã; Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, hợp tác xã giải thể hoặc phân chia hoặc rút vốn trả lại cho tổ chức, cá nhân bằng chính tài sản do tổ chức, cá nhân đã góp vốn trước đây; Doanh nghiệp điều động tài sản cho các đơn vị thành

viên hoặc doanh nghiệp điều động tài sản giữa các đơn vị thành viên thuộc doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng, ghi giảm vốn. Trường hợp điều chuyển tài sản giữa doanh nghiệp với các đơn vị thành viên hạch toán kinh tế độc lập hoặc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị thành viên hạch toán kinh tế độc lập với nhau không theo hình thức ghi tăng, ghi giảm vốn mà theo phương thức mua bán, chuyển nhượng, trao đổi hoặc điều động tài sản giữa cơ quan, đơn vị dự toán này với cơ quan, đơn vị dự toán khác (đối với hành chính sự nghiệp) thì phải nộp lệ phí trước bạ.

- Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ phải đăng ký lại quyền sở hữu sử dụng do việc chia, tách, cổ phần hoá, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp đổi tên đồng thời đổi chủ sở hữu tài sản, tài sản phải đăng ký lại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phương tiện phải đổi biển kiểm soát thì chủ tài sản phải nộp lệ phí trước bạ.

- Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ, phải đăng ký lại quyền sở hữu sử dụng do chuyển đến địa phương khác mà không thay đổi chủ sở hữu, sử dụng tài sản.

- Nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà được hỗ trợ mang tính chất nhân đạo tương tự theo các chủ trương quyết định của nhà nước từ cấp huyện trở lên, bao gồm cả đất kèm theo nhà được đăng ký quyền sở hữu, sử dụng mang tên người được tặng.

- Xe chuyên dùng: Xe cứu hoả; Xe cứu thương (kể cả xe được trang bị các thiết bị y tế chuyên dùng để khám, chữa bệnh lưu động), xe chiếu, chụp X-quang, xe cứu hộ; Xe chở rác (kể cả xe chở các tạp chất khác trong xử lý vệ sinh, môi trường), xe phun tưới, xe quét đường, xe hút hầm cầu, hút bụi; Xe chuyên dùng cho thương binh, bệnh binh, người tàn tật đăng ký quyền sở hữu tên thương binh, bệnh binh, người tàn tật.

- Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh

vận chuyển hàng hoá, hành khách công cộng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp sử dụng làm phương tiện giao thông cá nhân thì thuộc diện phải chịu lệ phí trước bạ.

- Tàu thuyền đánh bắt thủy, hải sản. Trường hợp này, khi khai lệ phí trước bạ, chủ tài sản phải xuất trình giấy đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản phải đăng ký lại do được thay thế trong thời hạn bảo hành.

- Nhà xưởng của cơ sở sản xuất, kinh doanh, kể cả nhà kho, nhà ăn, nhà để xe của đơn vị.

- Tài sản là hàng hóa kinh doanh của các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật mà không đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thông tư này hướng dẫn Quy định miễn lệ phí trước bạ tại Điều 9 Nghị định số 45/2011/NĐ-CP đối với các trường hợp nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của người dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn; nhà ở, đất ở của hộ gia đình, cá nhân ở các xã thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; nhà ở, đất ở của hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên; Phương tiện thủy nội địa không có động cơ, trọng tải toàn phần đến 15 tấn; Phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 mã lực (CV); Phương tiện thủy nội địa có sức chở người đến 12 người; Vỏ và tổng thành máy tương ứng lắp thay thế vào các loại phương tiện này; Nhà, đất do cơ sở thực hiện xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường đăng ký quyền sở hữu sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Nhà, đất do các cơ sở ngoài công lập đăng ký quyền sở hữu nhà, quyền sử

dụng đất vào các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; y tế; văn hoá; thể dục thể thao; khoa học và công nghệ; môi trường; xã hội; dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em; Nhà, đất do doanh nghiệp khoa học và công nghệ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, công nghệ theo quy định của pháp luật; Các trường

hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2011 và thay thế Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về cấp Giấy phép quy hoạch trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 30/8/2011, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND về cấp Giấy phép quy hoạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định này, Giấy phép quy hoạch được cấp cho các Chủ đầu tư có đủ điều kiện năng lực thực hiện các dự án đầu tư xây dựng. Giấy phép quy hoạch là cơ sở để chủ đầu tư dự án tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết đối với dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc lập quy hoạch tổng thể mặt bằng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo quy định, là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết, chấp thuận bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng và dự án đầu tư xây dựng.

Giấy phép quy hoạch là quy định mà chủ đầu tư phải tuân thủ trong quá trình tổ chức lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư và triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Các trường hợp cấp Giấy phép quy hoạch bao gồm: Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch phân khu hoặc những khu vực chưa được lập quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ

1/5000 hoặc quy hoạch chi tiết 1/2000 (theo Luật Xây dựng năm 2003 trước khi Luật Quy hoạch đô thị có hiệu lực) và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung tại khu vực trong đô thị có quy hoạch phân khu, hoặc đã có quy hoạch chi tiết 1/2000, quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 đã được phê duyệt theo Luật Xây dựng năm 2003, nhưng chưa đủ các căn cứ để lập quy hoạch chi tiết (là các dự án mà trong đồ án quy hoạch phân khu chưa xác định cụ thể ranh giới, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị và các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật liên quan); Dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị, trừ nhà ở biệt thự và nhà ở riêng lẻ của các hộ gia đình, cá nhân; Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết được duyệt nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị đối với một lô đất.

Căn cứ vào thông tin quy hoạch (hoặc chứng chỉ quy hoạch) đã được cấp thẩm quyền cung cấp, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch gửi cơ quan được giao

thẩm định tiếp nhận hồ sơ để thẩm định trình cấp thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch.

Căn cứ yêu cầu quản lý, kiểm soát phát triển thực tế của đô thị, quy chuẩn về quy hoạch đô thị, quy định quản lý theo quy hoạch đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, đề xuất của chủ đầu tư, cơ quan thẩm định hồ sơ Giấy phép quy hoạch có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về Giấy phép quy hoạch, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy phép quy hoạch.

Theo Quyết định này, thời gian giải quyết hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó thời gian để cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến các cơ quan liên quan là không quá 30 ngày làm việc, thời gian để cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp Giấy phép quy hoạch không quá 15 ngày làm việc.

Các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời cơ quan thẩm định Giấy phép quy hoạch chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định; UBND phường, xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan và có văn bản tổng hợp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư gửi cho cơ quan thẩm định chậm nhất là sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thẩm định. Quá thời hạn trên mà cơ quan thẩm định chưa nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, văn bản tổng hợp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư, cơ quan thẩm định tiếp tục triển khai các thủ tục, báo cấp cấp thẩm quyền xem xét, cấp Giấy phép quy hoạch theo quy định.

Đối với dự án đầu tư xây dựng tập trung, nội dung của Giấy phép quy hoạch gồm: Chủ đầu tư; Phạm vi, ranh giới, quy mô đất đai, dân số khu vực quy hoạch đô thị; Các chỉ tiêu sử dụng đất về nhà ở, dịch vụ thương mại, công trình hạ tầng xã hội, cây xanh, giao thông, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị cho toàn khu vực

quy hoạch, các yêu cầu về tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan, môi trường, các yêu cầu về chỉ tiêu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị làm cơ sở lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết hoặc lập bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng; thời hạn của Giấy phép quy hoạch.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị, trừ nhà ở biệt thự và nhà ở riêng lẻ của các hộ gia đình, cá nhân; Dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết được duyệt nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị đối với một lô đất, nội dung của Giấy phép quy hoạch gồm: Chủ đầu tư; Phạm vi, ranh giới, diện tích đất của khu vực quy hoạch đô thị; Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về tầng cao xây dựng, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng đối với khu đất, các yêu cầu về kiến trúc công trình, môi trường, các yêu cầu về chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị và các yêu cầu khác làm cơ sở lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc lập bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng (đối với dự án đầu tư xây dựng công trình không phải lập quy hoạch chi tiết 1/500 theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị), lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thời hạn của Giấy phép quy hoạch.

Thời hạn của Giấy phép quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép quy hoạch đến khi phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết.

Thời hạn của Giấy phép quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép quy hoạch đến khi phê duyệt dự án đầu tư.

Về thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch, theo Quyết định này, UBND thành phố cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án có quy mô lớn hơn 50 ha thuộc các trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung tại khu vực

trong đô thị chưa có quy hoạch phân khu hoặc những khu vực chưa được lập quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 hoặc quy hoạch chi tiết 1/2000 (theo Luật Xây dựng năm 2003 trước khi Luật Quy hoạch đô thị có hiệu lực) và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trong phạm vi toàn thành phố; Dự án đầu tư có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, lịch sử, kiến trúc, khu vực cảnh quan đặc biệt của Thành phố; Dự án đầu tư có phạm vi liên quan đến ranh giới hành chính của hai quận, huyện trở lên; Dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực đô thị trung tâm (được giới hạn trong phạm vi đường vành đai 4), khu vực đô thị vệ tinh (Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Phú Minh - Phú Xuyên và Sóc Sơn) và các thị trấn sinh

thái: Phúc Thọ; Quốc Oai; Chúc Sơn. UBND thành phố ủy quyền Sở Quy hoạch - Kiến trúc cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án thuộc các trường hợp trên nhưng có quy mô nhỏ hơn hoặc bằng 50 ha; Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Thành phố cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án đầu tư nằm trong khu, cụm công nghiệp được giao quản lý; UBND quận, huyện, thị xã cấp Giấy phép quy hoạch cho các dự án khác trong phạm vi địa giới hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 14/9/2011, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội.

Quy định này áp dụng cho việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội và đấu giá nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và không bao gồm việc đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

Theo Quy định này, các trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá bao gồm:

- Giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện các dự án vào mục đích đầu tư xây dựng

nhà ở để bán hoặc cho thuê (trừ trường hợp đất xây dựng nhà cao tầng cho công nhân trong khu công nghiệp, nhà cho sinh viên thuê, nhà ở xã hội); đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê; sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Đấu giá cho thuê đất thực hiện dự án vào mục đích: sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; việc cho thuê quỹ đất công ích là đất nông nghiệp của xã, phường, thị trấn để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản sẽ có UBND cấp huyện quy định cho từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Điều 72 Luật Đất đai 2003 và Điều 74 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hay cho thuê đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định cụ thể ngay từ khi lập dự án đấu giá quyền sử dụng đất.

Theo Quy định này, thời hạn sử dụng đất đối với đất xây dựng nhà ở hoặc nhà cao tầng hỗn hợp là giao đất sử dụng ổn định và lâu dài đối với trường hợp người trúng đấu giá là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài về đầu tư, hoạt động văn hóa, hoạt động khoa học thường xuyên hoặc về sống ổn định tại Việt Nam. Đối với trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài trúng đấu giá để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán: cho thuê đất trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê, thời hạn thuê đất không quá 50 năm (trừ trường hợp hỗn hợp).

Đối với đất xây dựng công trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: giao đất hoặc cho thuê đất với thời hạn không quá 50 năm; Trường hợp giao đất, cho thuê đất nông nghiệp để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: thời hạn giao đất, cho thuê đất căn cứ vào quy hoạch của khu vực nhưng không quá 20 năm; Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất; tổ chức kinh tế sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối: thời hạn giao đất, cho thuê đất căn cứ vào quy hoạch của khu vực nhưng không quá 50 năm.

Đất để tổ chức đấu giá phải đáp ứng các điều kiện: Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hoàn thành việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo dự án đầu tư được duyệt. Riêng các khu đất tận dụng được hạ tầng kỹ thuật hiện có mà không ảnh hưởng

đến hạ tầng kỹ thuật khu vực thì không phải xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Trường hợp này phải được báo cáo cụ thể trong văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương cho phép đấu giá và được cụ thể hóa trong quy chế đấu giá; Đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm và quy chế đấu giá.

Quy định này quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng các Sở, ngành chức năng của Thành phố, Quỹ Phát triển đất Thành phố, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch bố trí vốn ngân sách hàng năm để cho vay, ứng trước cho các dự án đấu giá quyền sử dụng đất theo các giai đoạn: chuẩn bị đầu tư; chuẩn bị thực hiện dự án (trong đó có bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) và xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có) trình UBND thành phố quyết định. Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã ứng từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất của chính dự án đó.

Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá gồm Trung tâm giao dịch đất đai và phát triển quỹ đất (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường), Trung tâm Phát triển quy hoạch đất (thuộc Ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố), UBND cấp huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện và các đơn vị khác theo quyết định của UBND thành phố.

Đối tượng tham gia đấu giá là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất và không sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tham gia đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp các tổ chức tham gia đấu giá thì phải độc lập về tài chính, không cùng một Tổng Công ty hoặc Công ty mẹ và Công ty con; trường hợp doanh nghiệp liên doanh tham gia đấu giá thì các bên góp vốn trong liên doanh không được tham gia đấu giá.

Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà biệt thự, nhà vườn, nhà liền kề để ở: đối tượng là tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân từ 18 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi

dân sự và đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Nghị định 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ. Số lượng đối tượng tham gia đấu giá tối thiểu là 05 cho trường hợp đấu giá lần lượt từng thửa đất (các cá nhân tham gia đấu giá cùng một thửa đất không có quan hệ huyết thống là bố, mẹ, con và anh em ruột; không có quan hệ hôn nhân là vợ, chồng). Nếu toàn bộ số thửa đất được đưa ra tổ chức đấu giá một lần hoặc được chia thành nhóm nhỏ các thửa đất (không nhỏ hơn 10 thửa và có cùng giá khởi điểm) thì số lượng đối tượng tham gia đấu giá tối thiểu phải bằng 2 lần số lượng các thửa đất.

Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở (chung cư cao tầng, nhà hỗn hợp, các thửa đất xây dựng nhà liền kề, nhà vườn, biệt thự) để bán: đối tượng là các nhà đầu tư có chức năng kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính theo quy định của pháp luật với số lượng tối thiểu phải là 05 đối tượng cho một khu đất, lô đất hoặc thửa đất đưa ra đấu giá.

Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: đối tượng là các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam với số lượng tối thiểu phải là 05 đối tượng cho một khu đất, lô đất hoặc thửa đất đưa ra đấu giá.

Các trường hợp không được tham gia đấu giá bao gồm: người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người tại thời điểm đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình theo quy định của pháp luật; Người làm việc trong đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá và tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp tham gia thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột

của người đó; Người không đủ điều kiện được nhận chuyển quyền sử dụng đất; người không thuộc trường hợp được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất.

Giá khởi điểm làm căn cứ đấu giá quyền sử dụng đất được xác định trên nguyên tắc: sát với giá thực tế chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất trong điều kiện bình thường của các thửa đất liền kề gần nhất có cùng mục đích sử dụng với mục đích sử dụng mới của thửa đất đấu giá, có điều kiện kết cấu hạ tầng tương đương với thửa đất đấu giá. Giá khởi điểm không được thấp hơn giá giao đất, giá cho thuê đất do UBND thành phố quy định hàng năm tại thời điểm tổ chức đấu giá. Bước giá quy định tối thiểu là 100.000 đồng/m² và tối đa là 1.000.000/m² đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ 1.000 đồng/m²/năm đến 20.000 đồng/m²/năm đối với trường hợp cho thuê đất.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ủy quyền cho UBND cấp huyện thẩm tra, quyết định phê duyệt giá khởi điểm đối với các khu đất có quy mô diện tích dưới 5.000m² đất (tại khu vực đô thị là các khu đất không tiếp giáp với các đường). Giám đốc Sở Tài chính thẩm tra, quyết định phê duyệt giá khởi điểm đối với các khu đất còn lại.

Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt quy chế đấu giá các trường hợp do Trung tâm giao dịch đất đai và phát triển quỹ đất, Trung tâm phát triển quỹ đất và các đơn vị khác được UBND thành phố giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá, các trường hợp phải thành lập Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất cấp thành phố; UBND cấp huyện phê duyệt quy chế đấu giá quyền sử dụng đất đối với các khu đất được giao nhiệm vụ tổ chức đấu giá.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Tiêu chuẩn Việt Nam: Xi măng đóng rắn nhanh

Ngày 9/9/2011, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài nghiên cứu biên soạn “Tiêu chuẩn Việt Nam: Xi măng đóng rắn nhanh” do Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Xi măng đóng rắn nhanh (XMĐRN) là loại xi măng đặc biệt, đóng rắn và phát triển cường độ sớm nhanh, hiện đang được nghiên cứu và sử dụng ngày càng nhiều trên thế giới. Loại xi măng này thường dùng trong thi công và sửa chữa các công trình đường sá, sân bay, đê đập, giếng khoan, đường hầm,... ngoài ra còn dùng để thay thế xi măng Poocăng thông thường trong bê tông khi thi công các công trình yêu cầu tốc độ thi công nhanh; XMĐRN còn được sử dụng nhiều trong thi công các công trình vào mùa đông,...

XMĐRN đã và đang được sử dụng tại nhiều nước như Trung Quốc có các loại XMĐRN sunphoaluminat SAC 425-725 và SAC 825-1025; tại Anh có XMĐRN PQ-X và Mỹ có XMĐRN chứa khoáng Sulphoaluminat, khoáng canxi-um flo-aluminat.

Với tốc độ phát triển hiện nay, nhu cầu xi măng nói chung và XMĐRN nói riêng của nước ta ngày càng lớn. Bên cạnh sản phẩm Saka có bản chất là XMĐRN do Viện VLXD sản xuất đã có mặt trên thị trường từ nhiều năm nay, thì phần lớn XMĐRN được nhập khẩu từ nước ngoài. Để kiểm soát chất lượng XMĐRN được sản xuất trong nước cũng như nhập khẩu việc biên soạn tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử cho XMĐRN ở nước ta là rất cần thiết.

Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam: Xi măng



Toàn cảnh buổi làm việc của Hội đồng nghiệm thu

đóng rắn nhanh được biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn ASTM C1600/C1600 M-08 “Standard Specification for Rapid Hardening Hydraulic Cements” của Mỹ kết hợp với tham khảo một số tiêu chuẩn quốc gia hiện hành của nước ta.

Nội dung của dự thảo gồm có 7 mục: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ, định nghĩa; Phân loại; Yêu cầu kỹ thuật; Phương pháp thử; Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản. Ngoài ra, dự thảo còn kèm theo 2 phụ lục: Phụ lục A: Phương pháp xác định cường độ nén của vữa xi măng; Phụ lục B: Phương pháp xác định thời gian kết thúc đông kết của xi măng đóng rắn nhanh.

Theo dự thảo Tiêu chuẩn, XMĐRN được phân ra 4 loại: Xi măng đóng rắn cực nhanh; xi măng đóng rắn rất nhanh; xi măng đóng rắn nhanh trung bình và xi măng đóng rắn nhanh thường.

Dự thảo nêu ra yêu cầu kỹ thuật về thành phần hoá và tính chất cơ lý. Dự thảo tiêu chuẩn không quy định thành phần hoá của XMĐRN tuy nhiên khi khách hàng yêu cầu thì nhà sản xuất cần phải cung cấp. Các tính chất cơ lý gồm có cường độ nén, độ co khô, thời gian kết thúc

đông kết, độ nở Autoclave, độ nở sunphát, độ nở kiềm - silic, nhiệt thủy hoá và độ ở trong nước 14 ngày. Trong số các chỉ tiêu cơ lý nêu trên dự thảo tiêu chuẩn cũng quy định những chỉ tiêu mang tính bắt buộc (gồm có 4 chỉ tiêu) và các chỉ tiêu tùy theo yêu cầu sử dụng có thể lựa chọn thêm.

Các phương pháp thử được nêu trong dự thảo bao gồm: Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử; các phương pháp thử để xác định thành phần hoá, cường độ nén, độ co khô của vữa, thời gian kết thúc đông kết, độ nở Autoclave, độ nở sunphát, độ nở kiềm - silic, độ nở thanh vữa trong môi trường nước và nhiệt thủy hoá.

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm đề tài đã tiến hành các thí nghiệm đối chứng để so sánh các phương pháp thử theo tiêu chuẩn Việt Nam và theo các tiêu chuẩn nước ngoài trên cơ sở đó lựa chọn các phương pháp thử thích hợp nhất với điều kiện nước ta.

Ý kiến của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng nghiệm thu đều thống nhất về sự cần thiết của việc biên soạn và ban hành Tiêu chuẩn; phương pháp xây dựng Tiêu chuẩn mà nhóm đề tài lựa chọn là hợp lý, đảm bảo cơ sở khoa học và tính thực tiễn cao đồng thời

tương đồng và hội nhập được với tiêu chuẩn các nước. Bố cục và nội dung của dự thảo Tiêu chuẩn đầy đủ và hợp lý, thể hiện được đầy đủ nội dung của một tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm. Tuy nhiên để dự thảo Tiêu chuẩn khi ban hành sẽ đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tế, các thành viên Hội đồng nghiệm thu đã đề nghị nhóm đề tài xem xét chỉnh sửa một số thuật ngữ cho chuẩn xác hơn và dễ hiểu đối với người sử dụng; lưu ý tạo điều kiện cho việc sử dụng các phương pháp thử của Việt Nam và hiệu chỉnh các giá trị trong yêu cầu kỹ thuật cho phù hợp với các phương pháp thử được sử dụng,...

Sau khi nghe nhóm đề tài báo cáo về dự thảo tiêu chuẩn, ý kiến các thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Trần Đình Thái đã phát biểu kết luận, Hội đồng nhất trí nghiệm thu các kết quả của đề tài. Trên cơ sở các góp ý của Hội đồng, nhóm đề tài tiếp thu và hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn trình Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng xem xét trước khi trình Bộ KHCN và Môi trường ban hành.

Đề tài được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Huỳnh Phước

Phương pháp sáng tạo sử dụng tro xỉ của các nhà máy thiêu đốt rác

Hoạt động sống của con người không thể tách rời khỏi việc hình thành các chất thải sản xuất và rác thải sinh hoạt. Lượng rác thải sinh hoạt dạng rắn (CTR) hàng năm ra môi trường đạt xấp xỉ 400 triệu tấn. Kinh nghiệm của các nước EU trong việc kiểm soát sự hình thành chất thải đã chỉ ra mối liên quan trực tiếp của GDP với tốc độ phát triển rác thải. CTR trở thành vấn đề đặc biệt cấp thiết đặt ra đối với nền kinh tế của các đô thị lớn trên thế giới.

Chỉ riêng tại thủ đô Moskva, rác thải sinh hoạt đã vượt quá 5 triệu tấn/năm; còn khu vực ngoại ô Moskva khoảng 3,5 triệu tấn/năm.

Nhờ việc phân loại trước, một phần rác thải (gỗ, kính, giấy, rác xây dựng...) được chọn lọc và tái sử dụng. Thông thường, việc chọn lọc và sử dụng hiệu quả CTR chiếm tới 30-40% lượng rác; tuy nhiên tại Liên bang Nga, tỷ trọng các vật liệu thứ cấp chỉ chiếm khoảng 10-12% lượng CTR, phần còn lại bị chôn trong các hố chôn lấp hoặc đốt. Riêng khu vực quanh Moskva đã có tới 61 bãi chôn lấp được quy hoạch, trong đó 27 bãi đã sử dụng hết công suất, 19 bãi đã đầy tới 90%. Ngoài các bãi rác kể trên còn có hơn 100 hố rác tự phát đã được đăng ký nhưng vẫn không đáp ứng nhu cầu cấp

thiết. Theo các số liệu của Bộ Thiên nhiên Liên bang Nga, toàn bộ các bãi chôn lấp ở phía nam Moskva chỉ sau 2-3 năm nữa cũng sẽ quá tải, trong khi đó các bãi rác mới chỉ có thể được bố trí bên ngoài, cách thành phố 100 km. Việc chôn lấp rác thải kéo theo hệ lụy về đất đai bị mất cho diện tích chôn lấp, môi trường bị ô nhiễm, nguồn nước có khả năng bị nhiễm bẩn, chi phí lớn cho phương tiện vận chuyển CTR và vận hành các bãi chôn lấp. Tại nhiều nước, việc chôn lấp CTR với các chỉ số nhiệt khi đốt lớn hơn 5% đã bị cấm.

Phương pháp triệt để nhằm giải quyết vấn đề chính là khử độc bằng nhiệt CTR, với việc tạo ra nhiệt năng và điện năng đang được áp dụng tại châu Âu và một loạt thành phố lớn của Nga (Moskva, Murmansk...). Tiến trình phát triển các nhà máy đốt rác bị chậm lại vì các nguyên nhân về mặt kinh tế: do sự thiếu hoàn thiện của công tác vệ sinh môi trường, sự gia tăng sử dụng bao bì, thùng hộp bằng nhựa, cũng như sự hình thành lượng tro xỉ độc hại sau quá trình đốt, mà lượng tro xỉ này chiếm tới 20% rác đốt và cũng cần được chôn lấp. Hiện nay, các hệ thống loại bỏ độc tố trong tro xỉ thải đã được sử dụng rộng rãi, cũng như các biện pháp hạn chế sử dụng bao bì nhựa theo luật định cũng đang được nghiên cứu.

Tại Viện nghiên cứu bê tông cốt thép, các nghiên cứu khoa học liên quan tới việc sản xuất ra các sản phẩm bê tông từ tro xỉ thải không độc hại của các nhà máy đốt rác đã được tiến hành. Dựa trên các số liệu về thành phần CTR của Moskva, trên cơ sở nghiên cứu thành phần hoá học của tro xỉ thu được từ việc đốt CTR tại nhà máy đốt rác số 3, các chuyên gia đã đúc kết được công nghệ khử độc về mặt hóa - lý đối với tro xỉ thải và xử lý chúng (bằng sáng chế patăng số 2123989). Thực chất của công nghệ này là việc ứng dụng các chất khử độc, trong quá trình sử dụng các chất này tạo được những liên kết không hoà tan trong nước của các kim loại nặng mà tính chất độc hại của chúng nằm

trong phạm vi cho phép, kết hợp với tro xỉ để tạo ra các sản phẩm bê tông không độc hại về mặt sinh thái.

Quá trình nghiên cứu đã xác định được trình tự xử lý hỗn hợp tro xỉ, mối quan hệ của các thông số kỹ thuật có ảnh hưởng, mối quan hệ của các thành phần trong hỗn hợp tính theo tỷ lệ phần trăm (xi măng, hỗn hợp tro xỉ, phụ gia giảm nước và phụ gia khử độc); các thông số kỹ thuật của sản phẩm thu được là bê tông nhẹ và siêu nhẹ sử dụng tro xỉ.

Để tiếp tục hoàn thiện phương pháp khử độc về mặt hóa - lý và tận dụng chất thải tại nhà máy đốt rác số 4 của Moskva, nơi việc đốt CTR được tiến hành trong tầng sôi, các chuyên gia nghiên cứu công nghệ đã sử dụng sản phẩm khử độc từ chất thải của ngành công nghiệp chế biến gỗ và công nghiệp dầu mỏ. Việc sử dụng các phụ gia khử độc đó không làm ảnh hưởng đến tính chất cơ học và hóa học của tro xỉ thu được sau khi đốt rác thải.

Nhờ sự thay đổi phụ gia khử độc và giải phóng hoạt tính của xi măng có thể giúp giảm đến 40% lượng tiêu thụ xi măng trong bê tông so với các điều kiện thông thường khác.

Khác với công nghệ tận dụng tro xỉ thải đang được áp dụng hiện nay tại nhà máy đốt rác số 2 của Moskva, phương pháp mới (patăng số 2311236) giúp giảm đáng kể chi phí năng lượng, giảm diện tích cần thiết cũng như chi phí cho các thiết bị công nghệ, và giảm khối lượng lao động (công việc) trong quá trình sản xuất.

Tro xỉ sau khi được phân loại, tách các kim loại và những thành phần không cháy được trộn với xi măng và nước, các cốt liệu thô và phụ gia biến tính, phụ gia khử độc theo tỷ lệ (%) như sau: xi măng (20 - 25); tro xỉ của quá trình đốt rác (40 - 50%); cốt liệu thô (15 - 30); phụ gia biến tính (0,02 - 0,075); phụ gia khử độc (0 - 0,35); nước (phần còn lại), tất cả trộn đều trong thời gian 1-5 phút cho tới khi thu được hỗn hợp bê tông.

Người ta đã sử dụng hỗn hợp các chất phụ gia silic, phụ gia dẻo và phụ gia đóng rắn nhanh trong vai trò của phụ gia biến tính theo tỷ lệ (%): phụ gia silic (0 -58); phụ gia dẻo (17 -35); phụ gia đóng rắn nhanh (25 -65). Trong đó, với vai trò phụ gia silic, người ta sử dụng phụ gia biến tính MB 10 -0,1 hay là silica fume hoặc bột thạch anh mịn.

Trong vai trò là phụ gia khử độc, các nhà sản xuất thường sử dụng một số chất rẻ tiền như SDO, SNV, SGK hoặc hỗn hợp của 2 hoặc 3 chất trên theo tỷ lệ: 1:(0,5-1) hoặc 1:1 (0,25-0,3).

Các thành phần nêu trên và sự kết hợp của chúng cho phép tạo ra bê tông và các sản phẩm bê tông với các tính chất hoá-lý được nâng cao với chi phí thấp nhất và bảo đảm an toàn sinh thái khi sử dụng để làm đường giao thông hoặc các công trình công cộng.

Bê tông được tạo ra bằng phương pháp trên có các chỉ tiêu cơ - lý như sau : tỷ trọng 2200 - 2400 kg/m³; cường độ nén 39,7 - 49,8Mpa; hàm lượng chất gây ô nhiễm trong phạm vi tiêu chuẩn cho phép - theo khăng định của cơ quan vệ sinh dịch tễ.

Các sản phẩm của ngành xây dựng dân dụng và giao thông có thể sử dụng tro xỉ thải đã qua khử độc của các nhà máy đốt rác như sau:

- Các sản phẩm lát vỉa hè và trang trí đô thị: Gạch bê tông lát vỉa hè; Tấm hỗn hợp bê tông - đá; tấm nệm đường tàu điện; gạch bê tông khí; máng thoát nước của vỉa hè và đường; các công trình kiến trúc nhỏ (ghế đá, bồn hoa...) hộp cống, ống dẫn nhiệt...

- Các sản phẩm cho đường sá: Tấm lát mặt đường; tấm lát mái dốc của đường

- Các kết cấu bảo vệ: Hàng rào bảo vệ, hàng rào chống ồn

Các sản phẩm bê tông kể trên ngoài những ứng dụng cho việc làm đẹp cho đô thị và làm đường còn có thể được áp dụng cho các hạng mục xây dựng ga-ra ô tô, móng nhà... Công ty "Konkor" ở ngoại ô Moskva là đơn vị có nhiều kinh nghiệm về ứng dụng tro xỉ thải của các nhà

máy đốt rác để sản xuất ra các sản phẩm: bậc cầu thang, bậc tam cấp, bậc cửa sổ, tấm trang trí cho các công trình công cộng. Việc ứng dụng phương pháp trên cho phép nâng cao hiệu quả của các nhà máy đốt rác, giảm chi phí vận chuyển và chôn lấp tro xỉ thải nhờ biến một phần tro xỉ đó (xấp xỉ 90%) thành các sản phẩm hàng hoá, tiết kiệm đất đai làm bãi chôn lấp.

Nền kinh tế đô thị có thể thu được những hiệu ứng kinh tế - kỹ thuật đáng kể khi tổ chức sản xuất các sản phẩm bê tông trong một tổ hợp thống nhất với các nhà máy đốt rác tại cùng một khu vực hoặc nằm gần đó (như vậy sẽ có khả năng giảm chi phí cho quá trình vận chuyển tro xỉ đồng thời tận dụng nhiệt thừa cho quá trình sản xuất các sản phẩm). Phương án tổ chức sơ chế tro xỉ tại các nhà máy đốt rác và cung cấp chúng cho các nhà máy bê tông dưới dạng hỗn hợp khô cũng khả thi.

Tóm lại, phương pháp trên trong thực tế cho phép hoàn thành việc ứng dụng công nghệ không chất thải đối với các nhà máy đốt rác. Việc thực hiện phương pháp này cần được hỗ trợ về mặt kinh tế (thông qua đơn đặt hàng của thành phố).

Tháng 4/2011, tại Triển lãm Quốc tế lần thứ 14 về các sáng chế và công nghệ cải tiến "Arschimed- 2011", Phương pháp tận dụng tro xỉ thải sau quá trình đốt rác (pa-tăng 2311236) đã được Ban giám khảo quốc tế đánh giá cao và dành được Huy chương Bạc.

Chúng ta hy vọng rằng, phương pháp tận dụng tro xỉ thải của các nhà máy đốt rác sẽ được ứng dụng rộng rãi tại các thành phố lớn của Nga, và góp phần quan trọng vào việc giải quyết các vấn đề liên quan tới an toàn sinh thái.

Mark Gorbovets

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga- số 28
(15/7/2011)*

ND: Lê Minh

Amiăng crizotin: các vấn đề về sản xuất và sử dụng

“Báo Xây dựng” của Nga đã nhiều lần đề cập đến chủ đề amiăng crizotin. Việc bảo vệ loại vật liệu này là cần thiết vì bất chấp những ưu điểm nổi trội của vật liệu khoáng thiên nhiên này, một số người còn hoài nghi về giá trị sử dụng của nó. Bài báo này đề cập tới xi măng crizotin (loại vật liệu có sử dụng amiăng và được gọi là xi măng amiăng) - loại vật liệu mà việc sản xuất ra nó tiêu thụ đến 90% sản lượng khai thác amiăng crizotin trên thế giới.

Lãnh đạo một số doanh nghiệp xây dựng cho rằng amian độc hại, do vậy họ không dùng các sản phẩm xi măng crizotin. Tại một số doanh nghiệp khác, tất cả các sản phẩm xi măng crizotin dạng tấm - tấm lợp sóng, tấm phẳng, ống... được sử dụng khá phổ biến. Dường như có hiện tượng, sản phẩm giống nhau, nhưng ý kiến về chúng thì lại khác nhau.

Ngày nay, amiăng là tên gọi của 2 nhóm sợi khoáng – amfibon và crizotin. Nhóm amfibon bị các tổ chức quốc tế xếp vào loại độc hại và cấm sử dụng trên toàn thế giới. Còn nhóm amiăng crizotin không gây nguy hiểm cho con người, tuy vậy châu Âu vẫn từ chối sử dụng amiăng crizotin. Tại nhiều nước khác, trong đó có Nga, amiăng crizotin và xi măng crizotin được sử dụng rất phổ biến.

Lấy ví dụ, Trung Quốc sau khi gia nhập WTO vẫn tiếp tục khai thác amiăng crizotin và sử dụng xi măng crizotin. Các phái viên của châu Âu thường tổ chức ở Nga và các nước thuộc Liên bang Xô viết cũ các hoạt động chống lại việc sử dụng crizotin và xi măng crizotin; họ lo rằng Nga sẽ vượt qua “rào cản” crizotin để gia nhập WTO. Trong khi đó, Nga là nước có trữ lượng amiăng crizotin lớn nhất thế giới, đồng thời là nhà sản xuất xi măng crizotin lớn nhất. Liệu các lợi ích quốc gia này của Nga có được coi trọng trên con đường hội nhập?

Sản phẩm của nhà máy tấm lợp đầu tiên (tại

làng Fokino vùng Briansk, năm 1908) là loại vật liệu mới để lợp mái (sau rơm rạ và ván lợp) đã được đích thân Sa hoàng Nikolai II khen thưởng. Trước và sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 -1917) và cho tới tận bây giờ, các tấm lợp đó vẫn tồn tại trên các mái nhà. Năm 1946, theo chỉ thị của I.Stalin, ngành công nghiệp sản xuất xi măng crizotin của Nga đã được xây dựng và phát triển thịnh vượng.

Trong giai đoạn phát triển nhà chung cư vào thập niên 50 -70 của thế kỷ trước, theo sáng kiến của N.Khrushov, người ta đã xây một loạt các tòa nhà 5-9 tầng, sau đó là 12-16 tầng, trong đó các nhà vệ sinh, lan can các ban công và hàng rào, mái nhà, đường ống rác, đường ống thoát nước đều là các sản phẩm xi măng crizotin. Độ bền cũng như giá thành hợp lý của các sản phẩm này thời đó và ngay cả bây giờ cũng là những tiêu chí chính để chúng được ưa chuộng hơn trong xây dựng.

Vào những năm 90 của thế kỷ trước, tại Liên Xô có 54 nhà máy sản xuất tấm lợp hoạt động. Tại nhà máy lớn nhất – “Công nhân xây dựng đỏ” (thị trấn Voskresensk) có 26 dây chuyền sản xuất tấm lợp và ống. Đó cũng là cơ sở sản xuất tấm panel tường và mái lớn nhất - những vật liệu đóng vai trò to lớn trong công nghiệp xây dựng của Liên Xô thời bấy giờ.

20 năm sau khi Liên bang Xô Viết tan rã, trong 28 nhà máy còn lại từ thời Liên Xô cũ có 12 nhà máy tiếp tục hoạt động, 54 nhà máy trên toàn lãnh thổ Liên Xô cũ còn lại chưa tới 30 nhà máy. Các số liệu về sản lượng còn đáng buồn hơn: trong 40 năm Liên Xô đã đưa vào khai thác 450 dây chuyền công nghệ mới, 20 năm sau gần 350 dây chuyền đã dừng hoạt động. Việc khai thác amiăng giảm đi hơn một nửa, sản xuất và tiêu thụ xi măng crizotin giảm 4-5 lần. Trên thị trường tràn ngập các sản phẩm xi măng, filit (đá phiến sét mica), izon thủy tinh,

ngói kim loại, và rất nhiều các sản phẩm khác kém xi măng crizotin về độ bền, độ an toàn khi sử dụng cũng như tính kinh tế.

Nguyên nhân các biến động trong ngành sản xuất amiăng cũng như nhu cầu tiêu thụ amiăng – trước hết do Liên bang Xô Viết tan rã, song còn một lý do nữa – đó là chiến dịch mạnh mẽ chống lại việc sử dụng amiăng tại các nước phương Tây, chiến dịch này xuất phát từ những tình huống thực tế trong đời sống.

Từ năm 1939 đến 1945 bên bờ biển nước Mỹ khi tiến hành sửa chữa các tàu chiến và tàu sân bay, để cách nhiệt, người ta đã dùng một lượng lớn amiăng để phủ lên bề mặt các vách ngăn. 40 năm sau Thế chiến II, vào cuối những năm 70, trong số thợ tham gia sửa chữa đó có nhiều người chết vì căn bệnh ung thư. Những hậu quả nghiêm trọng đó liên quan tới môi trường làm việc nhiều bụi amiăng, từ đó dẫn tới amiăng bị cấm sử dụng tại Mỹ, sau đó là châu Âu.

Về sau, nhiều công trình nghiên cứu được tiến hành để xác định được những nguyên nhân cụ thể gây ra hiện tượng tử vong cao nói trên, đó là công việc nặng nhọc trong điều kiện thiếu hệ thống thông gió và phương tiện bảo hộ, hàm lượng bụi amiăng rất lớn, tuy nhiên, nguyên nhân chính là do sử dụng amiăng amfibon. Amiăng amfibon tồn tại rất lâu trong phổi, gây tác hại lớn cho sức khỏe con người vì thế đã bị cấm sử dụng. Amiăng crizotin có thể tự thoát nhanh nhanh khỏi phổi, nên có thể sử dụng trong tiêu chuẩn cho phép.

Vào thời gian này, nước Mỹ sau khi sử dụng sợi nhân tạo thay thế amiăng trong các hệ thống phanh đã phải đối mặt với nhiều tai nạn nghiêm trọng của các loại xe siêu trọng và siêu tốc, đặc biệt, sau thảm họa với tàu con thoi Challenger, Mỹ đã nhanh chóng quay lại với việc sử dụng amiăng crizotin. Còn châu Âu, vốn không có amian và đang phát triển việc sản xuất các sợi nhân tạo thì càng thúc đẩy chiến dịch chống lại việc sử dụng amiăng, mà trước

hết là nhằm vào Liên Xô - nước có mỏ amiăng crizotin lớn nhất thế giới. Cuộc chiến này vẫn còn tiếp diễn cho tới ngày nay, mặc dù các nhà khoa học phương Tây đã thừa nhận, sợi nhân tạo chưa được nghiên cứu kỹ như amiăng, và có thể còn gây hại hơn đối với sức khỏe con người.

Quan điểm đúng đắn của nhiều nhà khoa học, nhà kinh tế, nhà phân tích trên toàn thế giới, trong đó có cả châu Âu đã đưa đến kết quả: amiăng crizotin được sử dụng tại 65 nước trên thế giới. Song áp lực đối với vấn đề này vẫn chưa nhẹ đi. Điều đặc biệt quan trọng là cần loại bỏ các nguyên nhân xuất phát từ bên trong Nga – những nguyên nhân đã cản trở sự phát triển sản xuất xi măng crizotin – liên quan tới vấn đề duy trì sản xuất xi măng crizotin bằng nguyên liệu xi măng và amiăng crizotin.

Sang thời hậu Xô viết, phần lớn các chủ sở hữu của các nhà máy xi măng trên thực tế đã hủy hoại nền sản xuất xi măng crizotin, và muốn xây lại các nhà máy xi măng. Sự độc quyền về xi măng tại Nga đã dẫn đến việc giá cả xi măng tăng chóng mặt. Hiện nay nhờ có xi măng nhập khẩu, giá xi măng đã hạ và cũng ảnh hưởng ít hơn tới giá thành các sản phẩm xi măng crizotin.

Trong vấn đề giá cả của amiăng crizotin, ngoài các vấn đề chung ngăn cản tốc độ phát triển của ngành sản xuất amiăng crizotin, còn có định hướng lại của thị trường amiăng crizotin tại các nước khác, cụ thể là ngành công nghiệp xi măng crizotin phát triển khá rộng rãi tại các khu vực lân cận phía đông. Có thể, sự thay đổi định hướng thị trường liên quan tới vấn đề Nga sắp sửa gia nhập WTO. Kết quả là trong ngành amiăng crizotin hiện nay, vấn đề áp dụng những hỗn hợp crizotin có hiệu quả kinh tế cao hơn đang được đặt ra. Việc duy trì chất lượng cần thiết của sản phẩm trong các điều kiện đó sẽ gây khó khăn cho việc sản xuất, buộc các doanh nghiệp phải chi trả nhiều hơn. Điều này dẫn đến tiềm năng của ngành tiếp tục suy

giảm. Sự kiện cuối cùng không mấy thuận lợi cho ngành là việc cắt giảm sản lượng của nhà máy Novorossiysk. Được thành lập năm 1930, góp phần to lớn trong sự nghiệp khôi phục lại đất nước sau chiến tranh, được phục hồi sản xuất ngay sau đợt suy thoái trong những năm 90 đầy khó khăn của thế kỷ XX, nhà máy đành bó tay trước tình hình hiện nay.

Tình trạng giá thành cao của crizotin đối với các doanh nghiệp trong nước chỉ là tạm thời. Chính sự ổn định của ngành công nghiệp amiăng trong thời kỳ chuyển đổi đã tạo điều kiện duy trì cả 2 lĩnh vực. Các nghiên cứu khoa học cơ bản về sức khỏe con người đã được tiến hành với sự góp sức của Hiệp hội crizotin Nga, Ucraina và Kazakhstan; sự ủng hộ về mặt thông tin của các ngành trong nước cũng như ở cấp độ quốc tế diễn ra mạnh mẽ. Tất cả các hoạt động đó đều đưa đến kết quả : lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga, Chính phủ đã bảo vệ được những lợi ích quốc gia liên quan tới crizotin. Tổng thống Nga V.Putin đã nhanh chóng phê chuẩn Công ước số 162 của Nga “Về bảo hộ lao động khi sử dụng amiăng” năm 2000; và một lần nữa ở cương vị Thủ tướng Nga ông đã ký Quyết định của LB Nga tham gia Công ước Rotterdam (tháng 12/2010).

Trong 2 thập kỷ đầy gian khó đối với LB Nga, ngành xi măng amiăng đã đứng vững. Cho dù sản lượng sụt giảm, xi măng amiăng vẫn phát triển về chất. Trên thị trường xuất hiện nhiều loại gạch, tấm ốp lát hoàn thiện đa dạng về mẫu sắc. Nhờ có cấu trúc giữ nhiệt nên về cơ bản các tấm hoàn thiện giúp giải quyết được vấn đề bảo toàn năng lượng cho nhà và công trình. Các tấm và ống được làm bằng hỗn hợp bê tông nhẹ có thể dùng làm cốt pha cố định cho móng, tường, mái nhà và cho phép việc thi công trong tất cả các mùa trong năm, góp phần giảm giá thành nhà ở (đối với loại nhà có mức giá hợp lý) tới 12 -13 nghìn rúp /m². Bởi vậy, có thể tin tưởng rằng, trong tương lai, nhà nước sẽ

có những sự phối hợp liên kết chặt chẽ hơn với lãnh đạo các nhà máy sản xuất amiăng và xi măng amiăng, và đó chính là động lực tích cực đối với sự phát triển ngành công xây dựng của Nga, với việc sử dụng xi măng crizotin. Điều này cho phép Nga - ngay cả trong quá trình gia nhập WTO - cũng vẫn duy trì được cả 2 ngành, cũng như không tự đặt mình vào tình thế phải nhập các xi măng amiăng từ nước khác.

Cuối tháng 6/2011, các phóng viên của Báo Xây dựng Nga đã tới thăm cơ sở sản xuất lớn nhất thành phố Lasnyi (vùng Orenburg) – Liên hợp xí nghiệp khai khoáng “Khoáng sản Orenburg”. Chuyến đi do Hiệp hội Crizotin tổ chức. Các phóng viên đã làm quen với công việc của một trong những mỏ khai thác amiăng crizotin lớn nhất nước Nga - mỏ Kiambaevskoe. Vía amiăng khổng lồ với các xe ben tải trọng lớn, những xưởng lớn với các dây chuyền tự động hoá, kho chứa thành phẩm rất ấn tượng, các công trình được xây dựng có sử dụng crizotin như sân vận động mới của thành phố, cơ sở nghỉ dưỡng tiện nghi vùng ngoại ô...tất cả những điều đó đoàn tham quan đã được mắt thấy tai nghe. Và điều chủ yếu nhất - người dân thành phố luôn tươi cười, tỏ ra thân thiện mến khách; mà phần nữa trong số những con người ấy cách đây không lâu đã gần cả số phận của mình cùng nhà máy trong chính sách xây dựng đô thị. Tổng Giám đốc Liên hợp – ông A. Golm đã phát biểu: “Chúng tôi đang cố gắng tạo những điều kiện tối ưu cho cuộc sống, cho công việc cũng như sự nghỉ ngơi của người dân thành phố, sao cho không còn vấn đề nào về tiền lương, nhà trẻ và trường học, nhà ở cho người có thu nhập trung bình”. Điều này cũng đã được Thị trưởng thành phố Lasnyi – ông O.Travkin khẳng định khi hướng dẫn các nhà báo tham quan một quận mới : những ngôi nhà vững chắc trong khuôn khổ chương trình “Nhà ở nông thôn” và “Thành phố tiết kiệm” được xây dựng khắp nơi. Giá trung bình một ngôi nhà đã hoàn thiện xấp xỉ 1 triệu

rúp, cộng thêm những khoản tín dụng ưu đãi cũng nằm trong chương trình này.

Chúng tôi được biết cách đây không lâu, tại phiên họp thứ 5 của Hội đồng giám sát các chất hoá học Công ước Rotterdam diễn ra hồi cuối tháng 6/2011 tại Geneve, crizotin một lần nữa không bị xếp vào danh sách những chất nguy hại. Đây tuy chưa phải là một chiến thắng đối với các nghị định đầy tính bảo thủ về amiăng

crizotin của châu Âu, song dư luận xã hội luôn hướng về tiếng nói của trí tuệ và chúng ta vẫn có quyền hy vọng về một ngành xi măng crizotin tiếp tục phát triển.

Svetlana Neiman

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga - số 28
(15/7/2011)*

ND: Lê Minh

Chiến lược hình thành khung sinh thái trong cơ cấu khu vực ven sông của thành phố Khabarovsk

Một trong những hệ quả của quá trình xây dựng đô thị diễn ra mạnh mẽ trong thời kỳ công nghiệp hóa là sự phá vỡ cân bằng sinh thái ở các thành phố lớn. Các vấn đề về phát triển mất cân bằng xuất hiện nhanh chóng và ngày càng nhiều tại các khu vực ven sông, nơi thường xuyên có những thay đổi về mặt cảnh quan và đôi khi có sự biến đổi rất nhanh chóng. Từ đó dẫn đến việc hầu hết các đô thị bên bờ sông có tình trạng thác kém hiệu quả và xâm phạm cảnh quan 2 bên bờ sông ở mức độ đáng kể.

Các tiền đề cho việc hình thành khung sinh thái trong cơ cấu khu vực bờ sông của thành phố Khabarovsk

Khabarovsk là một trong những thành phố mà các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn liền với sông đã bị suy giảm đáng kể. Trong quá trình phát triển thành phố, một thời gian dài người ta đã tiến hành san lấp các khu vực thuận lợi ven sông để xây dựng các công trình công nghiệp, đường giao thông mà không quan tâm đến chiến lược cải tạo tổng hợp. Do đó, Khabarovsk - thành phố có nhiều lợi thế về mối liên hệ thiên nhiên với các khu vực dọc bờ sông Amur - giờ đây phải đối mặt với vấn đề kết nối giữa các khu vực xa hơn và khu vực ven sông. Công cụ quan trọng để cải tạo sinh thái không gian đô thị thành phố đã được quy định trong quy hoạch thành phố: Khabarovsk có cấu trúc dạng tuyến phát triển dọc theo các sông chính.

Các khu vực ven sông trong thành phố - tại đó các khu vực chức năng cơ bản đã hình thành - trong trường hợp kiến thiết lại có đầy đủ tiềm năng để trở thành yếu tố liên kết giữa không gian đô thị hóa và yếu tố thiên nhiên (sông). Trong bối cảnh chất lượng môi trường sinh thái bị suy giảm, diện tích cây xanh trong thành phố bị thu hẹp thì việc cải tạo khu vực ven sông có thể sẽ là một giai đoạn quan trọng trong công cuộc cải thiện sinh thái đô thị.

Xu hướng phát triển của các khu vực ven bờ sông

Việc nghiên cứu, phân tích hiện trạng sinh thái đô thị cho ta thấy sự cần thiết phải có phương pháp tiếp cận khoa học, không chỉ về các chỉ tiêu định lượng so với định mức mà còn xem xét các mâu thuẫn cũng như các hình thức đặc trưng nhất của từng mâu thuẫn. Có thể phân chia các mâu thuẫn cơ bản thành các loại như: mâu thuẫn giữa tiềm năng khai thác và tiềm năng thiên nhiên của khu vực; mâu thuẫn giữa tổ chức không gian và hình thức cảnh quan; giữa mật độ xây dựng và nhu cầu của người dân tại các khu vực nghỉ dưỡng ven sông; giữa các điều kiện thu hút đầu tư và các biện pháp hiện thời trong tổ chức không gian đô thị; giữa quy chế khai thác khu vực bờ sông và các nguyên tắc sinh thái bền vững.

Các cơ sở quan trọng để cải tạo sinh thái đối với các khu vực ven sông bao gồm: sử dụng tài

nguyên thiên nhiên kém hiệu quả, lãng phí, sự phức tạp về địa hình (khu vực ngập úng hoặc triển dốc cao ven sông), diện tích của khu vực chức năng, mất tính phù hợp (khu công nghiệp, bến cảng, kho bãi..., các khu vực bị xáo trộn).

Hiện nay, thành phố Khabarovsk đã tiến hành các nghiên cứu về vấn đề hình thành khung sinh thái, cũng là một phần trong Quy hoạch tổng thể thành phố. Tuy nhiên, khung sinh thái được đề xuất trước đây phần lớn dựa trên việc duy trì các cấu trúc không gian cây xanh có sẵn, chưa đi sâu vào việc khắc phục sự phân tán và tính bền vững sinh thái chưa cao. Như một số nhà khoa học nhận xét, khung sinh thái cần có tính liên kết và ở một cấp độ nhất định cho phép thực hiện chức năng giao tiếp sinh thái trong phạm vi khung, cũng như tạo được ảnh hưởng tích cực từ những mảng cây xanh rộng lớn vào sâu trong đô thị. Nghiên cứu này đề xuất việc hình thành khung sinh thái như một hệ thống thống nhất có tác dụng bảo vệ và khôi phục các thành phần thiên nhiên theo mô hình tổ chức không gian hợp lý.

Chiến lược hình thành khung sinh thái tại khu vực bờ sông được xác định bởi hiện trạng xây dựng đô thị và hiện trạng thiên nhiên thành phố Khabarovsk, gồm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Phân bổ các khu đất có tiềm năng dành cho khung sinh thái theo nguyên tắc của mô hình phân tán đồng đều cùng với việc hình thành rải rác các điểm nút sinh thái ổn định trong khu vực đi bộ tại các khu dân cư lớn của thành phố liền kề bờ sông;

Giai đoạn 2: Chuyển từ mô hình phân tán đồng đều sang hệ thống thống nhất của khung sinh thái bằng cách tối ưu hoá các yếu tố giao tiếp của khung – các hành lang sinh thái thống nhất với khu vực đi bộ ở ven bờ sông và các hành lang sinh thái nằm sâu trong thành phố.

Cùng với chiến lược này, phương pháp hình thành các bộ phận của khung sinh thái (hành lang sinh thái và ốc đảo sinh thái) cũng được phát triển.

Các phương pháp hình thành các bộ phận của khung sinh thái

Ốc đảo sinh thái (những bộ phận ổn định nhất của khung sinh thái) – là các khu vực mà trong phạm vi của chúng trạng thái cân bằng sinh thái đạt được nhờ cơ cấu lại, bao gồm cả việc dỡ bỏ các công trình cũ nát, bảo tồn các toàn nhà với không gian mở tràn ngập các yếu tố thiên nhiên, nhờ hệ thống giao tiếp và các kết cấu phẳng, được sử dụng quanh năm (tỷ lệ tối ưu các thành phần thiên nhiên trong cảnh quan đô thị xấp xỉ 60 -70%).

Các phương pháp hình thành ốc đảo sinh thái như sau được đề xuất: thiết lập khung thiên nhiên trong cơ cấu không gian hậu công nghiệp (khu công nghiệp, quận Krasnoflotsky); hình thành khung thiên nhiên nghỉ dưỡng, trước tiên trong cơ cấu khu vực ngập lụt phức tạp (vùng ngoại ô phía nam Khabarovsk), tiếp theo trong cơ cấu khu vực bảo tồn thiên nhiên (vùng ngoại ô phía bắc thành phố).

Hành lang sinh thái – các khu vực trong phạm vi thành phố tại những vị trí có không gian giao tiếp, cũng như các yếu tố dạng tuyến của khung thiên nhiên; trong cơ cấu các yếu tố này quy định sự phân chia các khu vực dành cho người đi bộ, đường dành cho người đi xe đạp và việc thiết lập hệ thống không gian cây xanh phát triển theo tuyến.

Phương pháp hình thành hành lang sinh thái được coi là có hiệu quả là việc đưa hành lang sinh thái vào cơ cấu không gian công cộng (quận trung tâm) và không gian tập thể (vùng ngoại ô); bảo tồn các loài sinh vật (khu vực bị ngập nước và các sườn dốc cao ven sông); phân tách lớp (theo chiều dọc) không gian giao tiếp cho người đi bộ (tại các khu vực giao cắt của hệ thống giao thông).

Không gian đệm (vùng đệm) tham gia vào cơ cấu các thành phần của khung và đóng vai trò nhất định trong việc hình thành khung sinh thái, giúp cảnh quan gần gũi tự nhiên hơn.

Như vậy, việc hình thành khung sinh thái trong cơ cấu khu vực ven sông với chiến lược

đề ra sẽ tạo ra những tiền đề cho việc khôi phục sự cân bằng các yếu tố tự nhiên và nhân tạo của cảnh quan của các khu vực trong đô thị và xu hướng này sẽ được mở rộng trên quy mô toàn đô thị.

M.A.Matashova

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và Xây dựng dân dụng Nga - số 5/2011

ND: Lê Minh

Hàn Quốc - Đảm bảo hệ thống pháp luật và chế độ quản lý xây dựng vùng nông thôn

I. Khái quát tình hình

Hàn Quốc là một quốc gia nghèo về tài nguyên đất, với tổng diện tích đất khoảng 100.000 km² mà phần lớn là đồi núi với 65.665km², chiếm 66,1% tổng diện tích đất. Đất đô thị của Hàn Quốc chiếm 4.763km², bằng 4,8% tổng diện tích, đất nông nghiệp 21,075km², bằng 21,2% tổng diện tích, đất khác chiếm 7851km², dân số Hàn Quốc vào khoảng 46,86 triệu người, mật độ 472 người /km². Do đất chật người đông nên Hàn Quốc còn được xếp vào hàng những nước đông dân nhất thế giới.

Các đơn vị hành chính của Hàn Quốc được phân chia thành 3 cấp:

Cấp 1: bao gồm tỉnh, thành phố đặc biệt (thủ đô), thành phố lớn

Cấp 2: bao gồm thành phố, quận, huyện

Cấp 3: bao gồm phường, thị trấn xã

Hàn Quốc có 9 tỉnh, 1 thành phố đặc biệt và 6 thành phố lớn, trong đó 9 tỉnh theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là: Kinh Kỳ, Giang Nguyên, Trung Thanh Nam, Trung Thanh Bắc, Khánh Thượng Nam, Khánh Thượng Bắc, Toàn La Nam, Toàn La Bắc, Tế Châu, một thành phố đặc biệt là thủ đô Seoul, 6 thành phố lớn là Nhân Xuyên, Quang Châu, Đại Điền, Đại Khâu, Uất Sơn và Phủ Sơn.

II. Tình hình xây dựng nông thôn ở Hàn Quốc

1. Vận động phát triển theo mô hình nông thôn mới

Xây dựng nông thôn theo mô hình mới đang là việc làm được nhiều quốc gia và khu vực trên

thế giới thực hiện, hơn nữa, đây cũng là giai đoạn cần thiết để chuyển đổi từ một xã hội truyền thống sang một xã hội hiện đại và cũng là một trong những chiến lược quan trọng. Hiện nay một số quốc gia phát triển trên thế giới và nhiều khu vực đã và đang thực hiện theo mô hình này.

Vào thập niên 60 của thế kỷ XX, Hàn Quốc nhanh chóng thực hiện tiến trình công nghiệp hoá, đô thị hoá và hiện đại hoá, nhưng cùng với đó lại xuất hiện một loạt các vấn đề liên quan tới sự phát triển không cân bằng giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa nông thôn và thành thị. Để giải quyết vấn đề trên, năm 1970, Hàn Quốc đã phát động phong trào “Vận động phát triển theo mô hình nông thôn mới”. Các hạng mục phát triển mô hình nông thôn mới đều được các chuyên gia thông qua nghiên cứu rồi mới đưa vào thực hiện, nên đảm bảo cả về mặt lý thuyết và khoa học.

Để duy trì phát triển theo mô hình nông thôn mới, chính phủ Hàn Quốc đã thiết lập một bộ máy hành chính bao gồm các cơ quan: nội vụ, nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, công thương, xây dựng, giáo dục, viễn thông... phù hợp với cơ cấu của các Tỉnh, thành phố, quận, thị trấn, xã, thôn, hình thành một hệ thống lãnh đạo tổ chức từ cấp trung ương cho tới từng địa phương, giữa các cấp chính quyền còn hình thành cơ chế hợp tác hỗ trợ lẫn nhau.

Tính đến nay, mô hình nông thôn mới của Hàn Quốc phát triển trải qua 3 giai đoạn, đối với mỗi giai đoạn, chính phủ đều lập ra những hạng mục quy hoạch rõ ràng. Giai đoạn thứ nhất là

xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; giai đoạn hai chủ yếu là nâng cao thu nhập cho nông dân và ngư dân; giai đoạn 3 chú trọng phát triển chế biến nông sản. Mỗi giai đoạn đều được thực hiện theo các bước từ dễ đến khó, mặc dù chính phủ đã có một kế hoạch toàn diện nhưng trong quá trình xây dựng nông thôn mới, chính quyền các cấp vẫn không ngừng phát huy và thực hiện theo đúng quy định.

Tính đến nay, Chính phủ Hàn Quốc đã đầu tư gần 3000 tỷ Won vào việc xây dựng nông thôn mới và mang lại nhiều thành quả rõ rệt, đặc biệt là điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân đã được cải thiện rất nhiều. Từ những năm 70 của thế kỷ XX cho đến nay, thu nhập bình quân của người dân nông thôn và thành thị của Hàn Quốc luôn giữ trong khoảng 1: 0,8 - 1: 0,9. Như vậy có thể thấy, việc thực hiện cải cách và xây dựng nông thôn ở Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu nhất định, thậm chí còn nâng cao chất lượng và đời sống cho người dân. Ngoài ra còn giúp rút ngắn khoảng cách, cơ bản đã giải quyết được những vấn đề liên quan tới sự phát triển không hài hoà giữa nông thôn và thành thị. Trước mắt, nông thôn Hàn Quốc đang từng bước thực hiện cơ giới hoá, điện khí hoá, thuỷ lực hoá, giao thông hoá, giáo dục phổ cập, do đó, gần như không có sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị.

2. Sự thay đổi trong quy hoạch nông thôn

Kể từ khi Hàn Quốc giành được độc lập đến nay, những nội dung và đối tượng nằm trong quy hoạch nông thôn mới đã có nhiều thay đổi lớn. Trong đó, từ những năm 70 của thế kỷ XX, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành “Luật Quản lý sử dụng đất”, bắt đầu “Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới” và thực hiện mở rộng kế hoạch phát triển này. Tại thời điểm đó, nội dung quy hoạch nông thôn mới chưa phân định rõ quy hoạch đất đai và quy hoạch vùng, vẫn lệ thuộc vào hệ thống quy hoạch sử dụng đất.

Sau những năm 80 của thế kỷ XX, Hàn Quốc đã đề xuất mở rộng quy hoạch đất nông

thôn, quy hoạch những khu vực hẻo lánh, hải đảo, những khu vực mang tính chất địa phương, những nơi ngư dân sinh sống cũng được đưa vào quy hoạch có quy mô hơn.

III. Đảm bảo hệ thống pháp luật và chế độ quản lý xây dựng nông thôn ở Hàn Quốc

1. Chế độ quản lý

Chế độ quản lý có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện quy hoạch hiệu quả, do đó, Chính phủ Hàn Quốc đã lập ra một loạt các chế độ quản lý có tính khoa học cao. Để thực hiện tốt công tác quản lý các đối tượng, nội dung, phương pháp, phân tích thông tin, tổ chức và hệ thống phản hồi, chính quyền các cấp đã lập ra những quy định chi tiết và rõ ràng.

Trách nhiệm quản lý cấp xã (làng và thị xã). Người quản lý cấp xã hàng ngày phải có trách nhiệm đôn đốc và kiểm tra tình hình chấp hành phong trào vận động phát triển nông thôn mới trong khu vực, sau đó thu thập các dữ liệu có liên quan và báo cáo lên cấp trên, thông qua biểu đồ đã được thiết lập sẵn từ trước, cấp trên sẽ nhanh chóng thu thập phân tích tình hình, hàng ngày hoặc hàng tuần phải thống kê các dữ liệu có liên quan và báo cáo lên Thị trưởng.

Trách nhiệm quản lý cấp quận (cấp huyện). Mục đích và nhiệm vụ của người quản lý giám sát cấp này là kịp thời phát hiện những sự việc có liên quan tới tổ chức các cấp ở nông thôn, kiểm tra những cơ sở vật chất mà trung ương giao phó xem chúng có được đưa vào sử dụng hợp lý và kịp thời phục vụ hay không.

Trách nhiệm quản lý cấp tỉnh, trung ương. Người quản lý cấp này phải có trách nhiệm kịp thời nắm bắt tình hình thực tế tại các quận, xã và thôn. Kịp thời lập và điều chỉnh những chính sách có liên quan, lãnh đạo các tỉnh phải có trách nhiệm kịp thời thu thập và phân tích những báo cáo mà các Thị trưởng đề xuất và nhiều báo cáo nghiên cứu có liên quan khác.

Như vậy trách nhiệm cũng như công tác vận động xây dựng nông thôn mới sẽ cụ thể hơn và mới có thể hoàn thành công việc đúng thời hạn.

Chính quyền các tỉnh phải kịp thời thu thập những sự việc có liên quan, sau đó viết thành bản báo cáo, mỗi tháng hoặc định kỳ báo cáo lên Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ Nội vụ sẽ tập hợp lại và phân tích tình hình trên cả nước, kịp thời lập và điều chỉnh những chính sách có liên quan. Bộ trưởng Bộ Nội vụ uỷ quyền cho các đơn vị, họ sẽ có trách nhiệm kiểm tra giám sát trên toàn quốc, đồng thời căn cứ vào tình hình cử quan chức các Bộ có liên quan đến các tỉnh, quận kiểm tra

Căn cứ vào tình hình xã hội, sự thay đổi và phát triển của nền kinh tế trong nước, Chính phủ Hàn Quốc đã kịp thời điều chỉnh và sửa đổi hiến pháp, thiết lập môi trường thân thiện và nâng cao chức năng, tác dụng và mô hình nông nghiệp, đồng thời thiết lập hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hệ thống chức năng và tăng cường quản lý tiêu chuẩn hoá.

2. Đảm bảo hệ thống pháp luật

Chính phủ Hàn Quốc luôn quan tâm đến vấn đề phát triển nông thôn, nên họ đã lập ra một loạt các bộ luật như: “Luật Phát triển nông thôn”, “Luật Hiện đại hoá nông thôn”, “Luật Quy hoạch làng chài”, “Luật đặc biệt để phát triển làng chài”, “Luật Cải thiện đất đai”, “Luật Giáo dục nông nghiệp”... nội dung của các bộ luật này chủ yếu đề cập tới các phương diện phát triển nông thôn.

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, Hàn Quốc đã không ngừng tăng cường phát triển nông thôn và ban hành nhiều chính sách về xây dựng nông thôn.

Năm 2003, Chính phủ Hàn Quốc tích cực đề xướng xây dựng làng chài có ưu thế cạnh tranh và phát triển, họ đã đưa ra 8 hạng mục chính sách cụ thể, điều này đã thể hiện Chính phủ Hàn Quốc luôn quyết tâm duy trì phát triển nâng cao nền kinh tế nông thôn.

Để có được sự tích cực tham gia của người dân vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước, trong quá trình xây dựng và cải cách nông thôn, nhiều quốc gia phát triển trên thế

giới đã sử dụng các biện pháp bảo vệ, thiết lập những chính sách, luật pháp, pháp quy bảo vệ quyền lợi cho người nông dân. Thông qua luật pháp, từng bước thiết lập hệ thống xã hội hiện đại, hệ thống này bao gồm cả các vùng nông thôn, như vậy, khi người nông thôn tham gia vào kinh doanh độc lập, công nhân hay viên chức đều nhận được sự bảo vệ của xã hội, đồng thời, luật pháp cũng đảm bảo rằng người nông dân sẽ nhận được các dịch vụ lợi ích công cộng từ chính phủ.

Hàn Quốc dùng “Luật Nông nghiệp cơ bản” làm hiến pháp trong nông nghiệp, đồng thời còn ban hành hơn 100 văn bản quy phạm pháp luật về: Hiện đại hoá nông thôn, tổ chức nông nghiệp, sử dụng đất nông nghiệp, giá lưu hành các sản phẩm nông nghiệp ... Dựa vào đó mà hình thành một hệ thống pháp luật nông nghiệp và nông thôn hoàn thiện, bảo vệ tất cả các khía cạnh trong sản xuất nông nghiệp, các khâu liên kết và các hạng mục trong quá trình xây dựng theo mô hình nông thôn mới.

Tóm lại, hệ thống pháp luật về xây dựng nông thôn ở Hàn Quốc là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ hệ thống luật của Hàn Quốc, nó có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển và giữ ổn định tình hình xã hội của Hàn Quốc. Một mặt, hệ thống pháp luật này là cơ sở để bảo vệ nông nghiệp, duy trì tính ổn định và tính liên tục của chính sách trong các tổ chức nông thôn, mặt khác, hệ thống pháp luật này còn thúc đẩy nông thôn phát triển, rút ngắn khoảng cách và quan niệm so sánh giữa nông thôn và thành thị, đảm bảo chính trị trong nước và xã hội luôn ổn định, phát huy tác dụng trên mọi phương diện./.

Đường Tương Long

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Thành thị và Nông thôn Trung Quốc số 4/ 2011

ND: Bích Ngọc

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương làm việc tại Bộ Xây dựng

Sáng ngày 21/9/2011, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và đoàn công tác của Chính phủ đã có buổi làm việc tại Bộ Xây dựng. Tham dự buổi làm việc cùng với Phó Thủ tướng có Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Văn Trọng Lý, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Văn Trung, Thứ trưởng Bộ Tài chính Phạm Sỹ Danh, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Văn Đức và đại diện các Bộ, ngành Trung ương. Về phía Bộ Xây dựng có Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, các đồng chí Thứ trưởng: Cao Lại Quang, Nguyễn Trần Nam, Trần Văn Sơn, Bùi Phạm Khánh; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam và các Tổng Công ty thuộc Bộ Xây dựng. Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã đồng chủ trì buổi làm việc.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã báo cáo Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và đoàn công tác về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2011, mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu năm 2012 và kế hoạch 5 năm 2011-2015 của ngành Xây dựng trên tất cả các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Theo Báo cáo của Bộ Xây dựng, năm 2011 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2011-2015 theo Nghị quyết của Đại hội XI của Đảng, thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, Bộ Xây dựng đã triển khai, ban hành các chương



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phải biểu tượng tại buổi làm việc với Bộ Xây dựng

trình hành động và nghiêm túc quán triệt thực hiện các Nghị quyết trên. Tập trung rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của ngành Xây dựng, đẩy mạnh triển khai các chương trình, đề án phát triển nhà ở phục vụ cho mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội; theo dõi và kiểm soát chặt chẽ thị trường xây dựng, thị trường bất động sản; thực hiện bình ổn thị trường đối với các mặt hàng thiết yếu như xi măng, sắt thép xây dựng; rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của các doanh nghiệp thuộc Bộ và thực hiện các giải pháp thúc đẩy kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính...

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2011, Bộ Xây dựng tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ: quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị; phát triển nhà ở và thị trường bất động sản; quản lý hoạt động xây dựng; quản lý và phát triển vật liệu xây dựng. Bộ đã hoàn thành và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Quyết định phê duyệt: Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020; Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến

năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2021 và định hướng đến năm 2030; Ban hành theo thẩm quyền 12 Thông tư và hiện đang tập trung chỉ đạo xây dựng dự thảo Luật Đô thị và nghiên cứu chuẩn bị cho dự thảo Luật Kiến trúc; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2006/NĐ-CP về khu đô thị mới, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp nước sạch, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình... dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng, dự thảo Nghị định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép, dự thảo Nghị định về cải tạo, xây dựng lại nhà ở chung cư, nhà ở tập thể và khu dân cư cũ để thực hiện chỉnh trang đô thị theo quy hoạch...

Trong công tác quản lý các đơn vị sản xuất doanh nghiệp, Bộ Xây dựng chỉ đạo các doanh nghiệp trực thuộc tiến hành rà soát, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển theo yêu cầu của Nghị quyết số 11/NQ-CP. Kết quả kế hoạch đầu tư năm 2011 của các doanh nghiệp thuộc Bộ giảm hơn 12.000 tỷ đồng (khoảng 26%) so với kế hoạch đăng ký đầu năm, 66 dự án được cắt giảm hoặc tạm dừng triển khai tập trung vào các dự án đang chuẩn bị đầu tư và dự án dự kiến khởi công mới. Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp thuộc Bộ phát triển ổn định, giá trị sản xuất kinh doanh trong 8 tháng đầu năm ước đạt 99.000 tỷ đồng bằng 64,4% so với kế hoạch, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2010; sản xuất và tiêu thụ trên 31 triệu tấn xi măng, xuất khẩu khoảng 3 triệu tấn xi măng và clinker.

Bên cạnh những kết quả đạt được, báo cáo cũng nêu lên một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới, đó là hệ thống pháp luật về đầu tư xây dựng còn nhiều chồng chéo và có những khoảng trống; quản lý vốn ngân sách



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng báo cáo tại buổi làm việc với Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương

còn nhiều kẽ hở; chất lượng thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật còn nhiều bất cập; định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu. Trong công tác phát triển đô thị còn thiếu nhiều quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch chi tiết, chất lượng quy hoạch thấp thường phải điều chỉnh, việc lập quy hoạch tiến hành chậm, chưa đi trước một bước, chưa có hướng dẫn thống nhất về quy hoạch xây dựng nông thôn mới... Trong lĩnh vực phát triển nhà ở và thị trường bất động sản, mặc dù những thành quả đạt được của lĩnh vực này trong những năm qua là rất lớn nhưng gần đây đã bộc lộ những yếu kém, bất cập như: phát triển không ổn định, thiếu lành mạnh, cơ cấu nhà ở không hợp lý, giá nhà cao, tỷ lệ nhà ở cho thuê thấp, nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp chưa được quan tâm đúng mức...

Sau khi nghe báo cáo của Bộ Xây dựng, các ý kiến của lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam, ý kiến của đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương tham dự buổi làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã phát biểu kết luận. Phó Thủ tướng đánh giá cao nỗ lực của Bộ Xây dựng trong thời gian qua trong các lĩnh vực quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, phát triển lực lượng xây dựng. Phó Thủ tướng biểu dương lãnh đạo Bộ Xây dựng, các Cục, Vụ và doanh nghiệp ngành Xây dựng về những đóng góp đối với nền kinh

tế đất nước nói chung và cho ngành Xây dựng nói riêng.

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cũng nhất trí về cơ bản các mục tiêu nhiệm vụ mà ngành Xây dựng đã đề ra cho năm 2011, 2012 và kế hoạch 5 năm 2011-2015.

Theo Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải, trong 5 năm tới, ngành Xây dựng cần nghiên cứu chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên đầu tư như hiện nay sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất lao động và khoa học công nghệ, tăng cường hiệu quả đầu tư, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, thực hiện 3 đột phá về con người, thể chế và phát triển cơ sở hạ tầng.

Trong các nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch 2011-2015, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải chỉ đạo Bộ Xây dựng cần có những giải pháp để đảm bảo phủ kín quy hoạch trong 5 năm tới, đề ra và giám sát thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch

với chế tài cụ thể, trong các quy hoạch phải tính tới yếu tố biến đổi khí hậu. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu chính sách thuế bất động sản để chống hiện tượng đầu cơ, làm minh bạch hóa thị trường bất động sản; hình thành các doanh nghiệp chuyên cho thuê nhà. Đối với các dự án trọng điểm, Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính để giúp các dự án đẩy nhanh được tiến độ; cần hình thành bộ máy để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đầu tư trong lĩnh vực nước sạch, xử lý nước thải, rác thải; chú trọng đầu tư cho khoa học công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ngành Xây dựng...

Minh Tuấn

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp ông David Shear - Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam

Chiều ngày 21/9/2011, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã có buổi tiếp và làm việc với ông David Shear - Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Tại buổi tiếp, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã phát biểu chúc mừng ông David Shear trên cương vị mới là Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam và bày tỏ sự tin tưởng, trong nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam, Đại sứ David Shear sẽ có những đóng góp tích cực cho việc tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ, là cầu nối giữa các doanh nghiệp, các nhà đầu tư của Hoa Kỳ với Bộ Xây dựng và các doanh nghiệp ngành Xây dựng Việt Nam.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ sự vui mừng về quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ngày càng phát triển trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, hợp tác quốc phòng, văn hóa và các lĩnh vực khác. Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ ngày càng đáp



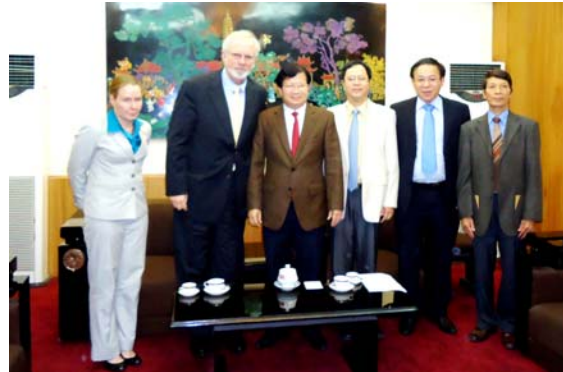
Đại sứ Hoa Kỳ David Shear hội kiến với Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng

ứng tốt hơn nhu cầu của mỗi nước trong quá trình phát triển kinh tế, sự gia tăng đầu tư của Hoa Kỳ ở Việt Nam cũng góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển. Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Hoa Kỳ là một nước có tiềm lực kinh tế đứng đầu thế giới, có nền kinh tế tri thức, khoa học công nghệ tiên tiến, sự quan

tâm của Hoa Kỳ đối với sự phát triển của Việt Nam nói chung, trong các lĩnh vực đô thị, cơ sở hạ tầng, nhà ở nói riêng, đối với Việt Nam là rất quan trọng. Bộ Xây dựng Việt Nam mong muốn hợp tác và nhận được sự trợ giúp của Hoa Kỳ trong các lĩnh vực tư vấn xây dựng, khoa học công nghệ, phát triển đô thị, nhà ở, đặc biệt là tại những đô thị duyên hải chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các địa phương vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn.

Đại sứ Hoa Kỳ David Shear đã cảm ơn Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã dành thời gian đón tiếp, đồng thời đánh giá cao vai trò của Bộ Xây dựng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Đại sứ David Shear cho biết, trong nhiệm kỳ của mình tại Việt Nam, vấn đề ưu tiên hàng đầu của ông là thúc đẩy và tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, khẳng định sẽ nỗ lực thực hiện vai trò làm cầu nối giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và các doanh nghiệp Hoa Kỳ để giúp Bộ Xây dựng Việt Nam thực hiện các mục tiêu mong muốn. Trong lĩnh vực xây dựng, quản lý dự án, dịch vụ kiến trúc, các doanh nghiệp Hoa Kỳ có nhiều kinh nghiệm và có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến trúc và xây dựng của Việt Nam. Ưu tiên thứ hai của Đại sứ David Shear là ủng hộ hai bên đàm phán về Hiệp định Đối tác Kinh tế Xuyên



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chụp ảnh lưu niệm với Đại sứ Hoa Kỳ David Shear

Thái Bình Dương (TPP) và ưu tiên thứ ba là tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Theo ông David Shear, hiện nay, đầu tư của Hoa Kỳ tại Việt Nam vào khoảng 12-13 tỷ USD và Hoa Kỳ đang là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 7 tại Việt Nam và ông mong muốn trong nhiệm kỳ của mình sẽ đưa đầu tư của Hoa Kỳ lên thứ bậc cao hơn.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Đại sứ Hoa Kỳ David Shear đã nhất trí sẽ tăng cường quan hệ phối hợp giữa Bộ Xây dựng và Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam. Về các nội dung hợp tác cụ thể, hai bên sẽ có những cuộc gặp gỡ, trao đổi trong thời gian tới./.

Minh Tuấn

Hội nghị tổng kết Dự án Cải thiện môi trường đô thị miền Trung

Ngày 21/9/2011 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hà Nội đã diễn ra Hội nghị tổng kết Dự án cải thiện môi trường đô thị miền Trung. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD); đại diện các đô thị tham gia dự án gồm Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Đông Hà, Lăng Cô, Tam Kỳ và Quảng Ngãi.



Toàn cảnh Hội nghị

Theo báo cáo của Ban Điều phối, Dự án Cải thiện môi trường đô thị miền Trung do ADB và AFD đồng tài trợ được triển khai đồng thời tại 6 đô thị miền Trung với các hạng mục thuộc lĩnh vực cải thiện môi trường đô thị. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Bộ Xây dựng (Cục Phát triển đô thị) với tư cách là cơ quan chủ quản, qua 7 năm thực hiện (10/2004 – 10/2011), Dự án đã hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra. Đó là cải thiện chất lượng cuộc sống và tình trạng sức khỏe của người dân vùng đô thị, giảm đói nghèo tại các địa phương thuộc dự án cũng như các vùng lân cận; thúc đẩy sự phát triển kinh tế khu vực một cách cân bằng, giảm tình trạng di dân từ các vùng miền Trung ra các thành phố lớn như Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã được nghe báo cáo các kết quả đạt được của 6 Tiểu dự án: hoàn thành xây dựng 71,38 km cống thoát nước; 38,4 ha hồ điều hoà; 16,1 km kênh thoát nước; 7,2 km đê phòng chống ngập lụt; 4 cửa ngăn thủy triều; 2 khu xử lý nước thải; cải tạo được 103 nhà vệ sinh công cộng; 52 ha bãi chôn lấp rác thải; 7 km đường vào bãi chôn lấp rác; 10 bãi chôn lấp rác tạm thời cùng một số hạng mục khác tại các địa phương thuộc dự án. Với các kết quả nêu trên, dự án đã góp phần làm thay đổi đáng kể diện mạo đô thị, đặc biệt là các thành phố Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Tam Kỳ, đồng thời góp phần giải quyết căn bản các vấn đề thoát nước, giảm tình trạng ngập úng tại các đô thị. Công tác thu gom xử lý rác thải, bảo đảm vệ sinh môi trường cũng được cải thiện. Điều

quan trọng và có ý nghĩa hơn cả chính là thông qua dự án, nhận thức về vấn đề bảo vệ môi trường của cộng đồng, nhất là phụ nữ và người nghèo, đã có những chuyển biến cơ bản.

Đánh giá kết quả thực hiện Dự án, Thứ trưởng Cao Lại Quang nêu rõ: Dự án Cải thiện môi trường đô thị miền Trung tuy không lớn về quy mô, song lại có ý nghĩa vô cùng to lớn, vì những lợi ích mà Dự án mang lại đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho các đô thị miền Trung - nơi nhiều khó khăn, thiếu thốn nhất trong cả nước. Dự án thành công tốt đẹp, ngoài sự quan tâm của lãnh đạo Bộ Xây dựng, sự điều phối chỉ đạo đúng đắn của Bộ trong việc tạo mối liên kết chặt chẽ giữa các Bộ, ngành Trung ương - địa phương và các nhà tài trợ, nhà đầu tư, còn có sự nỗ lực của từng địa phương, sự đồng thuận và ủng hộ nhiệt tình của người dân. Thay mặt lãnh đạo Bộ, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã cảm ơn các nhà tài trợ, nhà tư vấn, các đại biểu đã tham dự Hội nghị; đồng thời bày tỏ mong muốn: thông qua việc thực hiện thành công Dự án thí điểm đầu tiên này, bài học kinh nghiệm về mô hình quản lý phù hợp, về công tác thiết kế, thẩm định và phê duyệt, công tác giải ngân sẽ được đúc kết để những Dự án tiếp theo sẽ được triển khai nhanh chóng hơn, hỗ trợ các đô thị Việt Nam nâng cấp và phát triển môi trường đô thị một cách hiệu quả hơn nữa.

Lệ Minh

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam kỷ niệm 20 năm ngày thành lập

Ngày 23/9/2011 tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC) đã tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập (18/9/1991 - 18/9/2011) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Tham dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây

dựng Bùi Phạm Khánh, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các đối tác và khách hàng của CDC; ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Cty CDC.

Tại Lễ Kỷ niệm, ông Lê Văn Chấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CDC đã báo

cáo những thành tích mà Cty đã đạt được trên chặng đường 20 năm xây dựng và phát triển.

Cách đây 20 năm Đảng và Nhà nước thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế nước ta chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, lĩnh vực đầu tư xây dựng có bước phát triển mạnh mẽ, nhiều nhà đầu tư nước ngoài đã đến Việt Nam tìm hiểu thị trường, liên doanh liên kết và hợp tác đầu tư. Trước tình hình đó, để giúp đỡ các nhà đầu tư nước ngoài lần đầu đến Việt Nam có thể nhanh chóng nắm bắt được cơ chế, chính sách của Nhà nước Việt Nam và tiếp cận nhanh với các đối tác nội địa, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có quyết định số 525/BXD-TCCB ngày 18/9/1991 thành lập Công ty Tư vấn xây dựng trực thuộc Bộ để thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng. Đây là tổ chức tư vấn đầu tiên của ngành Xây dựng, được thành lập trong những ngày đầu của thời kỳ đổi mới đất nước nên không tránh khỏi những khó khăn về cơ sở vật chất và nhân lực, song bằng sự cố gắng và phấn đấu hết mình, tập thể CBCNV Cty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm 2006 thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã phê duyệt phương án cổ phần hoá Cty Tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC). CDC bắt đầu hoạt động theo mô hình cty cổ phần từ tháng 2/2007 do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Hiện nay, CDC là thành viên của Tổ hợp tư vấn xây dựng Việt Nam (VC Group) do TCty Tư vấn xây dựng Việt Nam là Cty mẹ.

Kể từ ngày mới thành lập đến nay CDC đã trải qua nhiều bước thăng trầm và luôn vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ được giao. 20 năm qua tập thể CBCNV của CDC đã có mặt trên khắp mọi công trình xây dựng trọng điểm của cả nước, đóng góp công sức trí tuệ trên các lĩnh vực thiết kế, tư vấn, đầu tư xây dựng,... đã tạo



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại buổi Lễ

nên thương hiệu CDC có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Thực hiện các chức năng tư vấn thiết kế xây dựng, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ xây dựng trong phạm vi cả nước, CDC đã phát huy nội lực, nghiên cứu, sáng tạo để cung cấp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhiều sản phẩm có giá trị kỹ, mỹ thuật và hiệu quả kinh tế cao, đó là các dự án đầu tư, các đồ án kiến trúc quy hoạch, các công trình hạ tầng kỹ thuật được các chủ đầu tư chấp thuận và đánh giá cao, góp phần tô đẹp cho các đô thị Việt Nam và phục vụ sự nghiệp CNN, HĐH đất nước. Nhiều công trình mang tầm cỡ quốc gia trên địa bàn Hà Nội với phong cách kiến trúc đa dạng, hiện đại thể hiện năng lực thực sự của cán bộ Cty về việc tiếp cận công nghệ xây dựng tiên tiến, tư duy sáng tạo khoa học, đánh dấu sự phát triển vượt bậc trình độ thiết kế, sáng tạo góp phần làm thay đổi bộ mặt không gian và hình ảnh kiến trúc đô thị thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, từ lúc ban đầu chỉ có 6 cán bộ với 179 triệu đồng tiền vốn, đến nay CDC đã tự đầu tư xây dựng được 2.000 m² văn phòng làm việc tại Hà Nội và toà nhà văn phòng tại TP Hồ Chí Minh, mua sắm trang thiết bị, máy móc hiện đại, đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với công ty. Giá trị tài sản đạt trên 50 tỷ, trong đó vốn kinh doanh gần 9 tỷ;



Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc CDC Lê Văn Chấn đọc diễn văn kỷ niệm 20 năm thành lập Cty CDC

300 CBCNV trong đó 95% có trình độ đại học và trên đại học, nhiều kiến trúc sư, kỹ sư giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ đang làm việc tại 16 đơn vị thành viên của Cty.

Những nỗ lực của Cty đã đem lại hiệu quả cao, được thể hiện qua các kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, nghĩa vụ thực hiện đối với Nhà nước, chia cổ tức cho cổ đông ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước từ 20% trở lên. Doanh thu năm 2010 đạt 120 tỷ đồng; CDC đã gia nhập câu lạc bộ doanh nghiệp tư vấn đạt doanh số 100 tỷ đồng.

Sau khi chuyển sang mô hình Cty cổ phần, CDC đã có sự phát triển vượt bậc. Trong 5 năm 2006 - 2010, sản lượng và doanh thu đã tăng 4 lần, nộp ngân sách và lợi nhuận tăng hơn 4 lần và thu nhập của người lao động tăng trên 3 lần. Năm 2009 năm đầu tiên Cty đạt doanh thu 100 tỷ đồng, năm 2010 đạt trên 120 tỷ.

Nhiều công trình kiến trúc tiêu biểu đã hoàn thành và đưa vào sử dụng được xã hội đánh giá cao, được Bộ Xây dựng, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam tặng bằng khen, huy chương chất lượng cao như Trung tâm Hội nghị quốc gia, nhà làm việc Văn phòng Quốc hội, Thư viện điện tử Trường đại học bách khoa Hà Nội, Trụ sở đài tiếng nói Việt Nam và các khách sạn, trung tâm thương mại, chung cư cao cấp,... Hiện tại Cty đang tham gia tư vấn, thiết kế nhiều công trình trọng điểm của



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao Huân chương Lao động hạng Nhì cho Cty CDC

nhà nước như Hội trường Ba Đình mới, Trụ sở Bộ Ngoại giao, Bảo tàng lịch sử quốc gia,... Cty cũng đã tham gia nhiều đồ án quy hoạch chi tiết, tư vấn thiết kế các công trình giao thông, cấp thoát nước, môi trường đô thị, tư vấn giám sát nhiều công trình có giá trị kinh tế lớn và có ý nghĩa cao về mặt xã hội, góp phần chỉnh trang, cải tạo môi trường, cảnh quan các thị xã, thành phố trong cả nước.

“Đảm bảo và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn” là mục tiêu xuyên suốt, chi phối toàn bộ các chủ trương và hoạt động của Cty qua các giai đoạn phát triển. Để đạt các mục tiêu chất lượng sản phẩm tư vấn, đầu năm 2000 Cty đã ban hành các quy định quản lý chất lượng sản phẩm tư vấn, các quy định quản lý thực hiện hợp đồng kinh tế, các quy trình giám sát thi công,... Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 của Cty đã được thiết lập và vận hành, được tổ chức chứng nhận quốc tế AF-AQ (Pháp) công nhận vào tháng 8/2003, tạo ra các tiền đề cần thiết để hoạt động của Cty phù hợp thông lệ quốc tế và đủ sức cạnh tranh trên thị trường tư vấn trong nước và khu vực, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng của công tác tư vấn xây dựng.

Một lĩnh vực mà Cty đã và đang thực hiện rất thành công là hợp tác với các công ty tư vấn nước ngoài. CDC là một trong các công ty tư vấn nước ta hợp tác với tư vấn nước ngoài nhiều

nhất. CDC đã hợp tác với Tập đoàn tư vấn Vương quốc Anh để thành lập Cty liên doanh tư vấn Hyder-CDC, đã và đang hợp tác với nhiều đối tác đến từ Đức, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc,... như GMP, Inros Larner, Nikken Sekkei, NTT Facilities, Jina, Herrim,....

Để đạt được những thành tích trên đây, Cty đã thường xuyên quan tâm đến mọi mặt công tác trong đó phải kể đến công tác chất lượng, xây dựng nguồn lực con người và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị, đoàn thể hoạt động.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương những thành tích mà CDC đã đạt được trong quá trình xây dựng và trưởng thành. Thứ trưởng đề nghị T Cty tư vấn xây dựng Việt Nam quan tâm tạo điều kiện để CDC phấn đấu

trở thành doanh nghiệp tư vấn mạnh của ngành xây dựng và tin tưởng, CDC sẽ tiếp tục phát triển ổn định, tập thể CBCNV Cty sẽ không ngừng nỗ lực, phấn đấu vượt mọi khó khăn, phát triển mạnh mẽ hơn nữa, xứng đáng với thương hiệu là đơn vị tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng hàng đầu Việt Nam.

Sự kiện Cty CDC được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập là sự cổ vũ và động viên to lớn đối với tập thể CBCNV Cty trên con đường phấn đấu xây dựng Cty lớn mạnh và nâng cao hơn nữa uy tín của thương hiệu CDC trên thị trường trong nước và quốc tế.

Huỳnh Phước

Lễ kỷ niệm 23 năm ngày thành lập Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex)

Ngày 27/9/2011 tại Hà Nội, Tổng Công ty cổ phần Vinaconex - Bộ Xây dựng đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 23 năm ngày thành lập và đón nhận danh hiệu Huân chương Độc lập hạng Nhì và các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước. Tham dự buổi Lễ có ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Thành Phương - Tổng Giám đốc, các ủy viên Hội đồng quản trị, các phó tổng giám đốc, chủ tịch công đoàn, lãnh đạo các phòng, ban của T Cty; lãnh đạo các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các ban quản lý dự án của T Cty. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang và Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình đã đến dự và trao các danh hiệu thi đua cho T Cty.

Trong bài Diễn văn chào mừng 23 năm thành lập, Tổng Giám đốc Nguyễn Thành Phương đã khái quát quá trình hình thành và phát triển của T Cty, là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng (tiền thân là Công ty dịch vụ và xây dựng nước ngoài) được thành



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu tại buổi Lễ

lập ngày 27/8/1988, qua 23 năm nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đến nay Vinaconex đã trở thành một trong những Tổng Công ty vững mạnh hàng đầu của ngành Xây dựng Việt Nam, khẳng định được năng lực, uy tín, thương hiệu tại thị trường trong nước và quốc tế, đóng góp được nhiều thành tựu, nhiều công trình quan trọng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vinaconex ngày nay có cơ cấu tổ chức gồm

84 đơn vị đầu mối, lực lượng lao động lên đến 43.843 người, trong đó có 6.278 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học. Tính đến tháng 6/2011, tổng giá trị tài sản của Công ty mẹ đạt 17.522,9 tỷ đồng, toàn TCty đạt 29.334,7 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2011, tổng doanh thu của Công ty mẹ đạt 2.050 tỷ đồng (tăng 7,9% so với cùng kỳ 2010), hợp nhất toàn TCty đạt 6.012 tỷ đồng. Thu nhập và đời sống của người lao động được quan tâm, cải thiện.

Trong 23 năm xây dựng và phát triển, TCty cổ phần Vinaconex đã tạo ra giá trị sản lượng gần 136.800 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 5.170 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước gần 4.500 tỷ đồng, xuất khẩu lao động trên 80.000 lượt người. TCty cổ phần Vinaconex đã đóng góp cho đất nước hàng nghìn công trình, sản phẩm mang tầm cỡ quốc gia và khu vực, có giá trị to lớn về vật chất và tinh thần, an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, tiêu biểu như khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, đường cao tốc Hòa Lạc, Trung tâm Hội nghị quốc gia, hệ thống cấp nước Sông Đà - Hà Nội, Nhà máy xi măng Cẩm Phả, Cầu Bãi Cháy, Bảo tàng Hà Nội, Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, Công trình thủy lợi - thủy điện Cửa Đạt, thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Khu thương mại Chợ Mơ, dự án Splendora...

Không chỉ thành công trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, TCty Vinaconex còn là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc tích cực tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội theo các chương trình của Chính phủ như xây dựng nhà ở vượt lũ đồng bằng sông Cửu Long, xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và một số khu công nghiệp trong cả nước, hỗ trợ kinh phí cho 02 huyện nghèo là Thường Xuân và Mường Lát (tỉnh Thanh Hóa) theo chương trình 30a của Chính phủ; đầu tư hoặc tham gia thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại một số khu vực, xây



Tổng Giám đốc Nguyễn Thành Phương đọc Diễn văn kỷ niệm 23 năm ngày thành lập TCty

dựng nhiều nhà tình nghĩa, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ đồng bào bão lụt tại các địa phương... với số tiền hàng chục tỷ đồng; đưa hàng chục nghìn lao động đi xuất khẩu lao động tại nhiều nước trên thế giới, góp phần giúp các địa phương giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động và đem lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Ngoài việc đóng góp cho đất nước, Vinaconex đã hoàn thành hàng trăm công trình xây dựng tại một số quốc gia trên thế giới, tiêu biểu như Đại học tổng hợp Organ (Angeri), đường tàu điện ngầm và nhà máy điện nguyên tử tại Bungary, sông nhân tạo tại Lybia, Đại học quốc gia và Bệnh viện Viên Chăn (Lào) ... được các bạn hàng quốc tế đánh giá cao về chất lượng.

Với những thành tích đã đạt được, Vinaconex và tập thể người lao động vinh dự được Đảng, Nhà nước, các Bộ ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương, thành phố Hà Nội trao tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu thi đua cao quý như Huân chương Lao động, Huân chương Độc lập, Giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ, Bằng khen Chính phủ, Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, Bộ Xây dựng ... đặc biệt, năm 2008, TCty được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lao động" - một minh chứng thể hiện sự ghi nhận của Nhà nước và xã hội đối với những đóng góp của TCty Vinaconex trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát biểu chúc mừng TCty cổ phần Vinaconex, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã đánh giá, qua 23 năm xây dựng và trưởng thành, Vinaconex đã phát triển thành một tập đoàn kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực, một TCty hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản, đơn vị đi đầu thực hiện thành công cổ phần hóa, là một doanh nghiệp hàng đầu của ngành Xây dựng và của đất nước, được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý trong đó có danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Nhân dịp kỷ niệm 23 năm ngày thành lập, TCty Vinaconex lại vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, nhiều tập thể và cá nhân của TCty được tặng thưởng Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã biểu dương và chúc mừng những thành tích to lớn mà cán bộ, công nhân viên và người lao động của TCty đã giành được trong thời gian qua.

Theo Thứ trưởng Cao Lại Quang, đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển, thời cơ và vận hội của đất nước nói chung, của các doanh nghiệp nói riêng là rất lớn. Bên cạnh đó, những khó khăn, thách thức cũng còn rất nhiều. Tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là mục tiêu chung của các doanh nghiệp ngành Xây dựng hiện nay. Thứ trưởng Cao Lại Quang đề nghị



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang trao Huân chương Độc lập hạng Nhì cho lãnh đạo TCty Vinaconex

lãnh đạo TCty Vinaconex tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, quan tâm xây dựng chiến lược phát triển của TCty, quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác quản trị, tăng cường áp dụng khoa học và công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Thứ trưởng Cao Lại Quang cũng bày tỏ sự tin tưởng, với năng lực, kinh nghiệm, tinh thần trách nhiệm và lòng tự hào của cán bộ, công nhân viên, người lao động của TCty cổ phần Vinaconex - đơn vị Anh hùng Lao động - TCty cổ phần Vinaconex sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức để đạt được những thành công mới, đóng góp tích cực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Minh Tuấn

Mô hình cải tạo nhà ở đột nát nông thôn các khu vực nghèo của huyện Tùng Giang, Quý Châu, Trung Quốc

Tháng 7/2008, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, chính quyền tỉnh Quý Châu, huyện Tùng Giang dẫn đầu trong toàn tỉnh, khởi động công tác thí điểm cải tạo nhà ở đột nát nông thôn. Hơn hai năm nay, Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh Quý Châu thường xuyên chỉ đạo huyện coi công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn là

nhiệm vụ chính trị trọng đại của công cuộc cải thiện dân sinh, xây dựng xã hội hài hòa, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Trong bối cảnh eo hẹp về thời gian, nặng nề về nhiệm vụ, huyện Tùng Giang đã triệt để phát huy tinh thần “đoàn kết kiên cường, không cam chịu lạc hậu”, khắc phục nhiều khó khăn như cơ sở non yếu,

điều kiện gian khổ, thiếu nghiêm trọng sức lao động có kỹ thuật..., dựa vào sự nỗ lực chung của cán bộ và đông đảo quần chúng nhân dân, huyện đã hoàn thành toàn diện nhiệm vụ cải tạo nhà ở dột nát nông thôn mà chính quyền tỉnh giao phó. Công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn huyện Tùng Giang được tiến hành vững chắc, thành tích nổi bật, vừa cải thiện dân sinh, vừa thúc đẩy phát triển, tạo nên mô hình Tùng Giang giàu nét đặc sắc.

I. Nhiệm vụ lịch sử

Huyện Tùng Giang là một huyện nghèo cần được giúp đỡ trọng điểm, diện tích hành chính của toàn huyện là 3.244 km², tổng dân số 320 nghìn dân, dân số nông thôn 300 nghìn người, chiếm 93,75% tổng dân số. Tổng số hộ là 76.230 hộ, trong đó có 69.625 hộ nông nghiệp, chiếm 91,34% tổng số hộ toàn huyện. Do hạn chế của nhiều nhân tố như điều kiện tự nhiên, lịch sử, địa lý..., huyện Tùng Giang có nhiều hộ rất nghèo, nhà ở chủ yếu là tre nứa lá, điều kiện sinh hoạt - đặc biệt là điều kiện cư trú của quần chúng chưa được cải thiện về cơ bản, thiếu năng lực phòng chống thiên tai. Công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn của huyện Tùng Giang đứng trước tình hình hết sức khó khăn: nhiều nhà ở dột nát, đối tượng phân bố rộng, khó cải tạo. Theo kết quả đợt tổng điều tra dân số năm 2008, toàn huyện có 44.896 hộ đang trú ngụ trong các căn nhà dột nát, chiếm 64,48% số hộ gia đình nông thôn, 6.515 nhà dột nát cấp 1, chiếm 13,95% tổng số nhà dột nát; 13.472 nhà dột nát cấp 2, chiếm 28,85% tổng số nhà dột nát; 24.639 nhà dột nát cấp 3, chiếm 52,76% tổng số nhà dột nát. Trong đó, có 28.137 hộ nông dân đặc biệt nghèo, chiếm 62,67% tổng số các hộ nghèo. Từ khi chính quyền tỉnh Quý Châu chính thức tiến hành thí điểm cải tạo nhà ở dột nát huyện Tùng Giang từ tháng 7/2007 lại đây, dưới sự chỉ đạo kiên quyết của huyện ủy, chính quyền nhân dân huyện, các ngành các cấp trong toàn huyện coi công tác cải tạo nhà ở dột nát là nhiệm vụ chính trị

quan trọng, cuộc chiến cải tạo nhà ở dột nát nông thôn chính thức mở màn. Qua không đầy 3 năm cố gắng, huyện Tùng Giang đã hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ cải tạo. Tới cuối tháng 11/2010, huyện đã cải tạo 25.899 căn nhà dột nát, tỷ lệ hoàn thành đạt 99,7%, cải thiện một cách hữu hiệu môi trường sinh hoạt và điều kiện cư trú cho nhân dân có khó khăn về nhà ở, được tỉnh ủy và chính quyền thành phố Quý Châu đánh giá cao. Huyện Tùng Giang giải quyết vấn đề dân sinh với trọng điểm là cải tạo nhà ở dột nát, để lại nhiều kinh nghiệm phong phú cho toàn tỉnh.

II. Mô hình Tùng Giang

Tỉnh Quý Châu xác định huyện Tùng Giang là một trong những huyện thí điểm cải tạo nhà ở dột nát nông thôn đợt thứ hai, công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn có nhiều việc phải làm, khó tiến hành, quần chúng nhân dân đòi hỏi cấp bách. Trong quá trình cải tạo nhà ở nông thôn, huyện Tùng Giang kiên trì nguyên tắc “chính quyền chỉ đạo, nhân dân tự xây, quy hoạch khoa học, làm nổi bật nét đặc sắc, phù hợp với đặc điểm của địa phương, phù hợp với điều kiện kinh tế, công bằng, trình tự rõ ràng, thống nhất, thực hiện chính thể”, kết hợp với đặc điểm kết cấu nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện Tùng Giang, nghiêm túc quy hoạch, tổ chức tiến hành cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, bảo vệ hợp lý tập quán cư trú của các dân tộc thiểu số, kết hợp hữu cơ công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn với bảo vệ tập quán cư trú của dân tộc thiểu số, tìm tòi thành công con đường cải tạo nhà ở dột nát tại các khu vực nghèo khó, hình thành “mô hình Tùng Giang” rất độc đáo.

1. Tăng cường tổ chức lãnh đạo, kiện toàn bộ máy làm việc. Điều then chốt quyết định chất lượng công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn nằm ở khâu tổ chức lãnh đạo, đưa trách nhiệm cụ thể tới từng người. Nhằm đảm bảo cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn thực hiện được thuận lợi, huyện Tùng Giang kịp

thời thành lập Ban chỉ đạo công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn cấp huyện, xã và thôn. Mỗi tầng đều ký giấy cam đoan, tạo nên cục diện chính quyền chỉ đạo, các ngành phối hợp, xã hội tham gia, từng thôn thực hiện. Các ngành hữu quan đưa công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn vào chương trình làm việc hàng ngày, coi đó là biện pháp quan trọng để cải thiện dân sinh, hình thành cục diện đích thân lãnh đạo chủ chốt chỉ đạo, lãnh đạo chủ quản trực tiếp quản lý, mỗi một cấp đều có trách nhiệm riêng của mình. Mọi nhân viên trong bộ máy đều quán triệt nhiệm vụ của mình, bảo đảm cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn được thực hiện thuận lợi trong toàn huyện.

2. Đi sâu điều chỉnh triệt để, đề ra kế hoạch cải tạo được quy phạm một cách khoa học. Làm tốt công tác điều tra, quy hoạch đi trước là tiền đề để đẩy mạnh công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn. Nhằm điều tra rõ số lượng nhà ở dột nát trong toàn huyện, nguyên nhân dẫn tới dột nát và mức độ nguy hiểm, cơ cấu hộ nông dân nghèo..., huyện đề ra “Phương án điều tra nhà ở dột nát huyện Tùng Giang”, cử hơn 1.950 nhân viên điều tra, thành lập hơn 300 tổ công tác điều tra vào từng thôn, từng hộ điều tra nhà ở dột nát nông thôn. Thông qua điều tra cụ thể, huyện Tùng Giang nắm vững tình hình cơ bản về nhà ở dột nát trong toàn huyện. Để hoàn thành toàn diện nhiệm vụ công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn do tỉnh ủy và chính quyền tỉnh giao phó, huyện ủy và chính quyền huyện đề ra phương án cụ thể, khoa học và kế hoạch cải tạo mang tính khả thi.

3. Tuân thủ nguyên tắc đồng thời quan tâm và quy hoạch khoa học, huyện đã điều chỉnh hữu hiệu các nguồn tài nguyên. Theo nguyên tắc “Đường lối đúng đắn, hướng đầu tư không thay đổi, bố trí thống nhất, quản lý chặt việc sử dụng, địa phương ghi công”, áp dụng phương thức “nông dân tự huy động tiền vốn là chính, Trung ương và chính quyền địa phương hỗ trợ là phụ, huy động tiền vốn thông qua các con

đường như vay ngân hàng, các khoản tài trợ xã hội...”, giải quyết vấn đề tiền vốn cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn.

- Tích cực tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, tới tháng 12/2010, huyện Tùng Giang nhận được 132,6 triệu NDT tiền hỗ trợ công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn của Trung ương và tỉnh Quý Châu, 3,3572 triệu NDT tiền trợ cấp của khu tự trị. Trong tình hình tài chính hết sức khó khăn, tài chính cấp huyện tập trung được 36 triệu NDT tiền vốn cải tạo nhà ở dột nát nông thôn.

- Tiền vốn được dùng vào xây dựng các công trình hạ tầng như công trình cung cấp điện, nước, đường sá...

- Đối với các hộ nông dân tạm thời khó khăn về tiền vốn cải tạo nhà ở dột nát và có khả năng chi trả, huyện đã cùng với ngành tài chính cho vay các món nhỏ, ngành tài chính cho vay 150 triệu NDT tiền vốn cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, nông dân tự huy động 130 triệu NDT. Nhờ vào các bên cùng huy động tiền vốn, thống nhất sử dụng, đã cung cấp một lượng tiền vốn lớn cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn. Việc tập trung hữu hiệu những khoản tiền vốn này đã giải quyết tương đối tốt vấn đề thiếu vốn cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn huyện Tùng Giang.

4. Ra sức đột phá trọng điểm, tạo nên đường lối làm việc mới cho toàn huyện. Trong quá trình cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, theo yêu cầu “phân loại trọng điểm, làm nổi bật trọng điểm, quan tâm thống nhất, tiến hành nhanh chóng nếu có thể”, từng bước hình thành đường lối thúc đẩy công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn. Năm 2008, huyện Tùng Giang có 46.696 hộ nông dân nhà ở dột nát nông thôn, chiếm 64,48% tổng số hộ nông dân. Huyện được tỉnh Quý Châu xác định là huyện thí điểm cải tạo nhà ở dột nát đợt đầu, cải tạo 625 nhà ở dột nát; trong mở rộng thí điểm năm 2009, lại cải tạo và di dời 2.458 nhà ở trong vùng thiên tai động đất, tích lũy kinh nghiệm phong phú cho công tác

cải tạo nhà ở dột nát nông thôn huyện Tùng Giang. Bởi vậy, năm 2010 và năm 2011, tỉnh Quý Châu lại lấy huyện Tùng Giang làm một trong những huyện thí điểm công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn đợt hai, giao chỉ tiêu cải tạo 43.081 nhà ở dột nát nông thôn, trong đó có 1.800 nhà tranh vách nứa, 3.879 nhà ở dột nát cấp 1, 13.491 nhà ở dột nát cấp 2, 24.467 nhà ở dột nát cấp 3, 111 nhà ở dột nát cấp 2 và 53 nhà ở dột nát cấp 3 thuộc 5 diện bảo đảm. Công tác được đẩy mạnh trong toàn huyện đã giải quyết những bất cập như cường độ không đủ mạnh, phạm vi nhỏ, thiếu nguồn tài nguyên... do việc lấy xã và thôn làm đơn vị, nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách và hiệu quả sử dụng tài nguyên, quy hoạch bố cục xây dựng thị trấn nông thôn trong khu vực lớn hơn, sáng tạo đường lối mới trong công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn.

5. Làm tốt công tác điều tiết hệ thống, khiến cho cải thiện dân sinh và đẩy mạnh phát triển gắn kết một cách thống nhất hữu cơ. Trong quá trình tiến hành cải tạo nhà ở dột nát, làm tốt việc điều tiết hệ thống, chú trọng nắm chắc “5 kết hợp”, củng cố cơ sở cho nông thôn phát triển liên tục. Một là kết hợp xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng thị trấn với cải tạo môi trường cư trú, xóa bỏ nghèo đói, di dân, phòng ngừa thiên tai. Hai là kết hợp xây dựng môi trường cư trú cho nông dân và cải tạo lập thể nông thôn. Ba là kết hợp cải tạo công trình xây dựng dọc theo tuyến giao thông chủ yếu. Bốn là kết hợp điều chỉnh cơ cấu các ngành sản xuất. Năm là cải tạo nhà ở dột nát kết hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội địa phương, quy hoạch hệ thống nông thôn, quy hoạch cấp thôn.

6. Tăng cường chỉ đạo giám sát quản lý, bảo đảm cho các công tác tiến hành thuận lợi. Vì có rất nhiều đối tượng, nhiều công việc, nhiệm vụ nặng nề, nên công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn cần phải chỉ đạo hữu hiệu, giám sát chặt chẽ và trao trách nhiệm rõ ràng. Điều đó

đã bảo đảm cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn trong toàn huyện tiến hành thuận lợi. Huyện ủy, chính quyền tỉnh và các Ban cải tạo nhà ở dột nát nông thôn đều coi công tác này là nội dung giám sát trọng điểm, nhiều lần tổ chức tổ giám sát kiểm tra đi sâu về từng địa phương. Ban chỉ đạo cải tạo nhà ở dột nát nông thôn huyện Tùng Giang tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, nghiên cứu công tác mang tính giai đoạn, giải quyết những vấn đề còn tồn tại, kịp thời uốn nắn vấn đề mới nảy sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn.

Nhằm tăng cường quản lý tiền vốn, sử dụng tiền vốn với hiệu quả cao, minh bạch, bảo đảm chất lượng cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, tăng cường ý thức trách nhiệm và ý thức đại cục của lãnh đạo đảng chính quyền trong cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, huyện Tùng Giang đưa ra quy định và yêu cầu rõ ràng về các vấn đề như quản lý tiền vốn, tiêu chuẩn bình xét cán bộ lãnh đạo... căn cứ vào những chế độ “Biện pháp tạm thời quản lý cải tạo nhà ở dột nát nông thôn huyện Tùng Giang”, “Tiêu chuẩn bình xét nhà ở dột nát nông thôn huyện Tùng Giang”, “Biện pháp truy cứu trách nhiệm cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền đối với chương trình cải tạo nhà ở dột nát nông thôn”...

III. Thành tích rõ nét

Công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn đã đem lại nhiều đổi thay lớn cho nông thôn huyện Tùng Giang, mang lại lợi ích thiết thực cho quần chúng nông dân:

1. Môi trường cư trú nông thôn đổi mới. Lấy việc cải tạo nhà ở dột nát nông thôn làm đột phá khâu, các nội dung công tác như xây dựng công trình cư trú mới, cải thiện môi trường, phát triển các ngành sản xuất... được triển khai rộng rãi và hữu hiệu ở nhiều địa phương trong huyện. Thông qua đẩy mạnh cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, điều kiện cư trú của nhiều hộ gia đình nông dân được cải thiện đáng kể. Gần 10 năm qua, huyện Tùng Giang đã hoàn thành cải tạo 25.899 nhà ở dột nát tại mấy trăm thôn

hành chính ở 21 thị trấn nông thôn với tổng vốn đầu tư 448 triệu NDT, giải quyết vấn đề nhà ở cho 120 nghìn người.

2. Điều kiện nhà ở của các hộ nông dân được cải thiện rõ nét. Từ năm 2008 đến năm 2010, tỉnh Quý Châu giao nhiệm vụ cho huyện Tùng Giang cải tạo 44.896 nhà ở dột nát nông thôn, trong đó có 8.926 nhà ở dột nát cấp 1, cấp 2 và cấp 3 thuộc diện bảo đảm “nhà ở nguy hiểm nhất, gia đình nghèo khó nhất”, chiếm 19,88% tổng số. Đến ngày 12/10/2010, toàn huyện giải quyết vấn đề nhà ở cho 25.899 hộ gia đình nghèo khó nhất. Nhờ cố gắng trong thời gian không đầy 3 năm, huyện Tùng Giang đã hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ cải tạo nhà ở dột nát nông thôn.

3. Thúc đẩy tiêu dùng nông thôn phát triển mạnh mẽ. Thực hiện công trình cải tạo nhà ở dột nát nông thôn trong toàn huyện, phát huy tác dụng tăng thêm tiêu dùng, mở rộng nhu cầu bên trong huyện, thúc đẩy các ngành sản xuất hữu quan như vật liệu xây dựng, xây dựng, điện gia dụng... phát triển, kích thích tiềm lực thị trường nông thôn. Các số liệu cho thấy, trong số 448 triệu NDT vốn đầu tư cho cải tạo nhà ở dột nát nông thôn từ năm 2008 tới năm 2010, nông dân tự huy động 280 triệu NDT, chiếm hơn 1/2 tổng vốn đầu tư. Công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn động viên được tính tích cực xây dựng quê hương giàu đẹp của nông dân. Nhiều công nhân thời vụ về quê, được bồi dưỡng huấn luyện, tham gia ngay vào công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn. Theo phân tích của Văn phòng Xây dựng tỉnh Quý Châu, khi cải tạo nhà ở dột nát nông thôn năm 2000, xây dựng mới nhà ở thay thế cho nhà ở dột nát cần hơn 160 nghìn công lao động, xây dựng mới cơ sở vật chất cho ngành vật liệu xây dựng và các ngành sản xuất hữu quan cần 100 nghìn công lao động, các công nhân thời vụ về quê đảm nhận một nửa số công lao động đó.

4. Thúc đẩy thành thị và nông thôn phát triển hài hòa hơn. Công tác cải tạo nhà ở dột

nát nông thôn đã góp phần đồng thời phát triển thành thị và nông thôn, thúc đẩy xây dựng xã hội sung túc. Huyện Tùng Giang coi trọng việc kết hợp chương trình cải tạo nhà ở dột nát nông thôn với điều chỉnh cơ cấu các ngành sản xuất, thông qua chỉnh đốn nông trang để điều chỉnh cơ cấu các ngành sản xuất, tăng thêm thu nhập cho nông dân, khiến cho nông dân tăng cường sản xuất, tăng thêm thu nhập, thúc đẩy thành thị và nông thôn cùng phát triển hài hòa. Các đơn vị như Văn phòng Cải cách và phát triển, Văn phòng giao thông, Văn phòng Xóa đói giảm nghèo, Văn phòng nông nghiệp, Văn phòng lâm nghiệp, Văn phòng thủy lợi... nhân dịp công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, đã quy hoạch chi tiết cơ cấu các ngành sản xuất, giúp đỡ tiền vốn cho các hộ gia đình cải tạo nhà ở dột nát nông thôn phát triển ngành nuôi trồng quy mô lớn. Trong công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, quy hoạch cơ cấu các ngành sản xuất cho quần chúng nông dân, điều chỉnh nguồn vốn giúp đỡ nông dân nghèo phát triển các ngành sản xuất mang nét đặc sắc phù hợp với điều kiện thực tế, đẩy mạnh điều chỉnh các ngành sản xuất nông thôn và tăng thêm thu nhập cho nông dân. Nhân cơ hội cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, các địa phương trong toàn huyện - đặc biệt là các khu vực nghèo khó, đều hăng hái phát triển nông nghiệp, phát triển du lịch nông thôn, cơ cấu các ngành sản xuất nông thôn được điều chỉnh, thành thị và nông thôn phát triển càng thêm cân đối.

IV. Những gợi mở của “mô thức Tùng Giang”

Thực tiễn cải tạo nhà ở dột nát nông thôn của huyện Tùng Giang đã chứng minh công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn là biện pháp cải thiện dân sinh, là nhiệm vụ mà Đảng và chính quyền phải hoàn thành. Từ thực tiễn cải tạo nhà ở dột nát nông thôn thành công của huyện Tùng Giang có thể rút ra một số kinh nghiệm:

1. Phải kiên trì nguyên tắc lấy con người làm gốc, làm việc vì dân, thiết thực coi việc cải thiện

dân sinh là xuất phát điểm và mục tiêu của công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn. Tiến hành công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn, trước hết, nhằm giải quyết vấn đề an toàn cư trú cho các hộ gia đình có nhà ở nguy hiểm nhất, điều kiện kinh tế khó khăn nhất, khiến cho họ có quyền phát triển cơ bản. Trong quá trình tiến hành công tác, chính quyền phải tích cực giúp đỡ và chỉ đạo, không ra lệnh bắt buộc, không nóng vội ôm kỳ vọng lớn, triệt để tôn trọng ý nguyện của quần chúng nhân dân. Đồng thời, cần phải triệt để nghiên cứu đặc điểm có nhiều dân tộc thiểu số tập trung của huyện Tùng Giang, khuyến khích các khu vực có điều kiện kết hợp công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn với phát triển du lịch nông thôn, nâng cao năng lực phát triển liên tục của họ. Các cán bộ cơ sở chuyển từ vai trò người quản lý sang vai trò người phục vụ, coi công việc của nông dân là công việc của bản thân mình. Chỉ có như vậy, họ mới giành được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân, mới có thể nâng cao năng lực chấp chính của đảng ta, tăng thêm kết quả chấp chính.

2. Kiên trì điều tiết thống nhất, từng bước đẩy mạnh. Trong quá trình cải tạo nhà ở đột nát nông thôn, huyện Tùng Giang dốc sức vào “ba việc điều tiết thống nhất”, bảo đảm triển khai hữu hiệu công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn. Về bố cục tổng thể, lấy cải tạo nhà ở đột nát nông thôn làm biện pháp quan trọng bảo đảm dân sinh, đẩy mạnh phát triển, kiên trì đồng thời cải thiện dân sinh và đẩy mạnh phát triển, tổ chức lực lượng triển khai công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn. Về các khâu then chốt, coi tập trung tiền vốn, giám sát quản lý chất lượng là trọng điểm, kiên trì nguyên tắc nông dân tự tập trung tiền vốn là chính, chính quyền trợ cấp là phụ, áp dụng biện pháp trợ giúp tài chính, xã hội tài trợ và quần chúng nhân dân tự tập trung tiền vốn, tích cực điều chỉnh tiền vốn và dự án có liên quan với nông thôn, giải quyết thống nhất vấn đề thiếu hụt tiền vốn.

Về phương thức công tác, nhấn mạnh trọng điểm cải tạo, đẩy mạnh nhiều mô thức, bảo đảm cho công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn triển khai một cách có trật tự và cân đối. Đồng thời quan tâm thống nhất, quy hoạch khoa học, thể hiện nét đặc sắc, lên kế hoạch phát triển. Đó không chỉ là kinh nghiệm quý báu đẩy mạnh công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn trong toàn huyện, mà còn là con đường hữu hiệu thúc đẩy các khu vực nghèo phát triển thông qua các dự án. Đây là một gợi mở quan trọng cho chúng ta tiến hành công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn.

3. Phải dựa vào quần chúng, tổ chức quần chúng, triệt để phát huy tính tích cực, tính chủ động và tính sáng tạo của quần chúng. Huyện Tùng Giang lấy sự hài lòng của quần chúng làm tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn, kiên trì đi theo con đường phục vụ quần chúng, thông qua tích cực tuyên truyền phát động, công khai chính sách, tiêu chuẩn trợ cấp và tiêu chuẩn đánh giá, quy phạm hóa trình tự đánh giá, khiến cho quần chúng thấu hiểu, nắm vững và ủng hộ, khiến cho quần chúng công nhận đối tượng cải tạo nhà ở đột nát nông thôn. Kiên trì cơ chế giúp đỡ các hộ gia đình khó khăn, tạo nên bầu không khí tương thân tương ái trong xã hội, động viên tối đa tính tích cực, tính chủ động của quần chúng nông dân và các giới trong xã hội. Đây là một kinh nghiệm quý báu nữa của huyện Tùng Giang trong công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn.

4. Phải phát huy tác dụng thúc đẩy của lãnh đạo đảng ủy và chính quyền, bảo đảm cho công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn được thực hiện triệt để. Trong quá trình cải tạo nhà ở đột nát nông thôn, các cấp đảng ủy, chính quyền và các ngành hữu quan cần phải coi công tác cải tạo nhà ở đột nát nông thôn là nhiệm vụ quan trọng và đưa công tác này vào chương trình làm việc thường ngày, tăng cường tổ chức lãnh đạo, thực hiện trọn vẹn trách nhiệm công tác, phân cấp quản lý, phân cấp

phụ trách, bảo đảm hoàn thành trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức, đầu tư và giám sát, bảo đảm cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn được thực hiện triệt để, khiến cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn toàn huyện đạt hiệu quả cao trong thời gian ngắn.

5. Phải tăng cường biện pháp giám sát quản lý. Nhằm hoàn thành nhiệm vụ công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn đúng thời hạn, đủ số lượng, tiểu tổ giám sát kiểm tra công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn của huyện kiên trì kết hợp chỉ đạo kiểm tra thường xuyên với công tác trung cầu ý kiến quần chúng, duy trì bộ máy làm việc, giám sát chặt chẽ. Đồng thời, Văn phòng giám sát kiểm tra của huyện ủy và chính quyền huyện đưa công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn vào trọng điểm giám sát kiểm tra, bảo đảm tiến độ và chất lượng công tác trong toàn huyện. Thông qua đài báo, đại biểu nhân dân, ủy ban chính quyền hiệp thương và quần chúng nhân dân, xây dựng cơ chế “tuyên truyền phát động, điều tra từng hộ, giám sát toàn bộ quá trình công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn. Không ngừng hoàn thiện cơ chế thưởng phạt, đề ra biện pháp thưởng phạt, khuyến khích các đơn vị và cá nhân tiên tiến, thực hiện chế độ truy cứu trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo. Xây dựng cơ chế giám sát quản lý ở ba mặt quản lý tiền vốn, quản lý chất lượng và đốc thúc kiểm tra, tăng cường giám sát kiểm tra từng khâu công trình, bảo đảm công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn tiến triển nhanh chóng và thuận lợi.

6. Sự quan tâm và giúp đỡ của cấp trên bảo đảm chắc chắn cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn. Từ khi bắt đầu triển khai công tác tới nay, huyện Tùng Giang đã được các cấp lãnh đạo như tỉnh ủy, chính quyền tỉnh... và các ngành hữu quan quan tâm giúp đỡ mạnh mẽ. Lãnh đạo tỉnh ủy thường xuyên đi sâu điều tra nghiên cứu, chỉ đạo công tác huyện Tùng Giang, kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn

huyện Tùng Giang. Các ngành hữu quan ưu tiên giúp đỡ huyện về tiền vốn, hạng mục, kỹ thuật..., thiết thực giúp đỡ huyện Tùng Giang giải quyết nhiều vấn đề và khó khăn, bảo đảm cho công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn của huyện Tùng Giang tiến hành thuận lợi.

7. Thực hiện nguyên tắc ưu tiên cải tạo nhà ở dột nát nông thôn cho các hộ gia đình khó khăn nhất có nhà ở dột nát nhất nguy hiểm nhất. Thông qua việc đi sâu đi sát từng thôn từng hộ, tuyên truyền phát động rộng rãi, mỗi tháng một lần tổ chức bình xét dân chủ đối tượng cải tạo nhà ở dột nát nông thôn theo nguyên tắc công bằng và công khai, thông báo công khai kết quả bình xét. Vì vậy, huyện Tùng Giang đã nhận được sự giúp đỡ ủng hộ rộng rãi của đông đảo quần chúng, khiến cho biện pháp cải tạo nhà ở dột nát nông thôn đi sâu vào lòng dân, công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn tiến triển ngày càng nhanh chóng.

8. Kiên trì đi sâu giúp đỡ, hoàn thành trách nhiệm. Nhằm làm tốt công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, huyện ủy, chính quyền huyện xây dựng chế độ cán bộ cấp huyện phụ trách xã, đơn vị cơ quan huyện phụ trách thôn, cán bộ phụ trách từng hộ. Hai mươi tư cán bộ cấp phó của huyện đều đi sâu chỉ đạo công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, 97 đơn vị cơ quan huyện liên kết giúp đỡ 94 thôn hành chính, điều ngẫu nhiên 97 cán bộ huyện xuống phụ trách công tác giúp đỡ quần chúng từng thôn. Bí thư huyện ủy cùng với 24 cán bộ cấp phó của huyện ký “Bản cam kết trách nhiệm công tác đi sâu chỉ đạo”, chính quyền huyện ký “Cam kết trách nhiệm công tác” với các xã thôn, chính quyền huyện ký với các đơn vị cơ quan huyện “Cam kết trách nhiệm đi sâu giúp đỡ quần chúng”. Đề ra “Biện pháp giám sát kiểm tra công tác đi sâu giúp đỡ”, thực hiện chế độ một phiếu phủ quyết đối với công tác “đẩy mạnh trong toàn huyện” và “chỉnh đốn thôn trang”, truy cứu trách nhiệm các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ đúng kỳ hạn và các cá nhân

hữu quan theo quy định của “Biện pháp truy cứu trách nhiệm cán bộ đảng và chính quyền trong công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn huyện Tùng Giang”.

9. Thực hiện chính sách ưu tiên ưu đãi. dựa trên cơ sở thẩm tra phê chuẩn đất xây dựng nhà ở, ngành tài nguyên môi trường kết hợp hoàn thổ đất ruộng nông nghiệp với phê chuẩn đất xây dựng ở địa điểm mới, đặc biệt chiếu cố ưu tiên thẩm tra phê chuẩn, đồng thời đơn giản hóa thủ tục, miễn giảm chi phí chiếm dụng đất đai; khi làm thủ tục khai thác rừng tự trồng để lấy vật liệu cần thiết phục vụ công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn, ngành lâm nghiệp miễn giảm chi phí trồng rừng, cung cấp miễn phí tư liệu bản vẽ; ngành cung cấp điện miễn phí tiền lắp đặt cho các hộ cải tạo nhà ở dột nát; ngành vật liệu xây dựng cấp giấy chứng nhận

ưu tiên, thực hiện giá cả ưu tiên đối với các nguyên vật liệu như gạch ngói, gỗ, xi măng..., cố gắng cung cấp theo giá vốn nếu nguyên vật liệu được sản xuất tại địa phương; ngành tài chính chịu trách nhiệm cho các hộ cải tạo nhà ở dột nát vay tiền vốn cần thiết. Tóm lại, xuất phát từ đại cục công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn của toàn huyện, các ngành hữu quan đơn giản hóa thủ tục thẩm tra phê chuẩn, miễn giảm các khoản thu phí mang tính hành chính và các khoản thu phí mang tính dịch vụ, thúc đẩy tiến trình công tác cải tạo nhà ở dột nát nông thôn.

Vi Quang Chính

Tạp chí “Xây dựng thành thị và nông thôn”

số 1/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

LỄ KỶ NIỆM 23 NĂM NGÀY THÀNH LẬP VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHÌ CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2011



Thư trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu tại buổi Lễ



Thư trưởng Cao Lại Quang thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao Huân chương Độc lập hạng Nhì cho lãnh đạo TCty Vinaconex